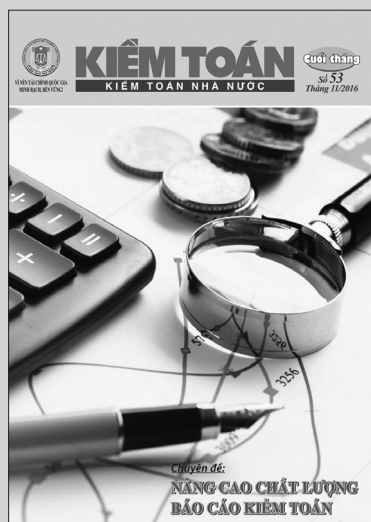




KIỂM TOÁN cuối tháng

Số 53 - Tháng 11/2016

MỤC LỤC

KỶ NIỆM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM (20/11)

Văn Hùng	Triết lý giáo dục	2
----------	-------------------	---

TRÒ CHUYỆN CUỐI THÁNG

Võ Trí Thành	Phát triển xanh - công cuộc gian khổ nhưng đầy hứa hẹn	4
--------------	--	---

VẤN ĐỀ HÔM NAY

Minh Anh	Báo cáo tài chính nhà nước: Làm sao để tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”?	8
Thùy Anh	Cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi	11
Thùy Lê	Đề xuất tăng tuổi nghỉ hưu: cần thiết nhưng phải có lộ trình phù hợp	15
Hồng Nhung	Đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập: Việc thực hiện vẫn chưa sẵn sàng	18

CHUYÊN ĐỀ: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Hoàng Quang Hàm	Chất lượng báo cáo kiểm toán từ góc nhìn của Quốc hội	21
Ngô Minh Kiểm	Lập báo cáo kiểm toán - quy định và bài học kinh nghiệm	24
Lê Hoài Nam	Xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm - Những vấn đề cần hoàn thiện	27
Jose Oyola	Xây dựng báo cáo kiểm toán vừa là kỹ năng, vừa là nghệ thuật	30

TRAO ĐỔI

Nguyễn Thanh Huệ	Áp dụng phương pháp phỏng vấn tại các cuộc kiểm toán ngân hàng thương mại	33
------------------	---	----

QUA KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Bắc Sơn	Hàng loạt địa phương, dự án lạm dụng vốn trái phiếu chính phủ năm 2014	36
---------	--	----

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Thanh Xuyên	Tranh cãi trong thực hiện luân chuyển hăng kiểm toán theo chu kỳ đối với các cơ quan, tổ chức công	38
-------------	--	----

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

* * *	Trang thơ	40
-------	-----------	----

TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thắng

ĐT: (04) 62820719

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Hồng Công

Mai Hải Đường

TRỤ SỞ

68 Trần Thái Tông - Cầu Giấy - Hà Nội

Email: kiemtoancuoi thang@sav.gov.vn

ĐT: (04) 62820721 - Fax: (04) 62820708

TÀI KHOẢN

Báo Kiểm toán 2601 0000 056239

NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chi nhánh Tây Hà Nội

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN

Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012

của Bộ Thông tin và Truyền thông

IN TẠI

Công ty CP In KHCN mới

Giá: 15.000đ

Triết lý giáo dục

 **VĂN HÙNG**



Với mỗi người, có lẽ những tháng năm tươi đẹp nhất là tuổi học trò. Bụi phấn và mái tóc điểm bạc luôn là hình ảnh đẹp, kỷ ức khó phai của học trò với thầy cô mình. Nghề giáo, hãnh diện và tự hào nhất là được học trò của mình trân trọng, quý mến. **Tôn sư trọng đạo; nhất tị vi sư, bán tị vi sư; không thầy đố mày làm nên...** đã trở thành truyền thống tốt đẹp và cũng là triết lý của nền giáo dục nước nhà.

Câu chuyện giáo dục vẫn được kể mỗi ngày. Vui có, buồn có. Có người còn đau đầu nghĩ về tương lai dân tộc khi gắn với công cuộc đổi mới giáo dục. Tâm tư, tình cảm, sự trăn trở, lo lắng và có cả lời

phàn nàn về chuyện dạy và học luôn hiển hiện trên những trang báo mỗi ngày. Giáo dục Việt Nam bao giờ cất cánh bay cao, bay xa khi nền giáo dục còn nhiều bất cập, thiếu thực chất, thừa thầy thiếu thợ, nặng bệnh hình thức, quá tải về kiến thức, yếu kém kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng môi trường hội nhập... Nhiều lời bàn, tìm câu trả lời câu hỏi này từ các hội nghị, hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế; rất nhiều ý kiến tâm huyết từ các thầy cô, các chuyên gia, cố vấn trong và ngoài ngành. Đảng, Nhà nước luôn chăm lo cho sự nghiệp trồng người, bởi nó góp phần quan trọng quyết

định tương lai dân tộc. Thầy cô được xem là người chịu trách nhiệm quan trọng của quá trình sản xuất ra sản phẩm giáo dục - học sinh, sinh viên. Có thầy cô giỏi (chất lượng cao, tâm sáng) mới có trò giỏi, có nền giáo dục hiện đại, hội nhập. Song, điều luôn làm giáo viên lúng túng hiện nay nằm ở chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục. Mỗi khi triển khai đề án mới, chương trình mới, ý tưởng mới thường vấp phải sự thiếu đồng thuận của xã hội, thầy cô và phụ huynh. Tính thuyết phục không cao bởi nội dung ấy ít được thực tiễn kiểm nghiệm. Đur luận hay đặt câu hỏi, tại sao giáo dục Việt Nam

lại lấy học sinh, thầy cô làm “vật” thí nghiệm nhiều thế? Dạy thêm, học thêm; đổi mới nội dung, cách thức tổ chức thi ở các cấp từ trung học phổ thông đến đại học, chuyển định hướng các bạn trẻ lựa chọn tương lai làm thầy hay làm thợ... cứ luận bàn, tranh cãi năm này qua năm khác mà vẫn chưa định hình được lối ra sáng sủa.

Thầy cô là đối tượng vừa bị chi phối của quá trình đổi mới giáo dục, vừa là lực lượng nòng cốt để hiện thực hóa chiến lược giáo dục. Tiếc rằng, đôi khi thầy cô cũng không đủ khả năng, bản lĩnh phản biện nội dung cải cách, đổi mới giáo dục. Họ chấp hành một cách thụ động những quyết định của cấp trên. Đôi khi, vì sự an toàn, họ tự ti, né tránh hay ngợp thở, không theo kịp yêu cầu nội dung cải cách, đổi mới.

Cơ chế thị trường tạo nên động lực, đánh thức bản năng của thầy cô để tồn tại và đứng vững trên nền tảng tri thức của mình nhưng chính cơ chế này cũng tạo nên tư duy xã hội hóa giáo dục; nảy sinh mặt trái của giáo dục, đó là tư tưởng thực dụng, mưu sinh, làm giàu bằng sự dễ dãi, chủ nghĩa cơ hội đang bào mòn phẩm chất cao quý, tốt đẹp của thầy cô.

“Bức tranh thầy cô” thể hiện khá rõ: ở những nơi thuận lợi về kinh tế - xã hội, đời sống giáo viên ổn định, khấm khá; giáo dục phát triển mạnh, học sinh được thụ hưởng thành quả giáo dục hiện đại, giáo viên có chất lượng đồng đều hơn. Ngược lại, ở vùng

sâu, vùng xa, biên giới hải đảo... điều kiện dạy và học, đời sống giáo viên còn nhiều khó khăn nên chất lượng giáo dục còn hạn chế. Mừng thay, trong hoàn cảnh khó khăn ấy, phẩm chất tốt đẹp của thầy cô vẫn được giữ gìn, phát huy, tỏa sáng. Trong số gần 50 giáo viên-tấm gương tiêu biểu được tôn vinh trong dịp kỷ niệm ngày, Hiến chương các nhà giáo năm nay, đa phần là các thầy cô đang dạy học ở những nơi khó khăn bộn bề. Nhiều em học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi trong nước và quốc tế lại sinh ra trong các gia đình nghèo khó và môi trường học tập thiếu thốn trăm bề.

Thật buồn khi bắt gặp chuyện thầy cô hành hạ học trò của mình bằng lời nói thiếu văn hóa và bạo lực. Ngược lại, có học sinh, phụ huynh của họ đối đáp với thầy cô bằng lời lẽ thô tục thậm chí dùng cả vũ lực. Nhiều học sinh còn cãi lộn, đánh nhau dã man. Cho dù vụ việc ấy chiếm tỷ lệ rất nhỏ nhưng cũng là vết nhơ của nền giáo dục nước ta.

Trong mỗi mái trường vẫn bừng sáng, vang vọng lời dạy của Bác Hồ “tất cả vì học sinh thân yêu” - hàm chứa sâu sắc triết lý giáo dục mà mọi quốc gia đều theo đuổi. Thầy cô luôn là niềm cảm hứng để học trò phấn đấu rèn luyện. Thầy cô có phẩm chất trong sáng, mẫu mực, dạy giỏi ắt sẽ có trò giỏi, con ngoan. Có người lại ví giáo dục nước mình còn nặng nề và cồng kềnh như cái cặp học sinh vậy. Cặp càng nhẹ, giáo dục càng dễ cất cánh. Sự

quá tải về kiến thức làm cho học sinh, phụ huynh và thầy cô đều lúng túng trong dạy và học. Dạy thêm, học thêm tràn lan cũng là lẽ đương nhiên. Học sinh dễ stress, bị quan, thầy cô dễ tiêu cực là thế.

Phải chăng triết lý giáo dục nằm ở trong cặp sách của mỗi học trò?

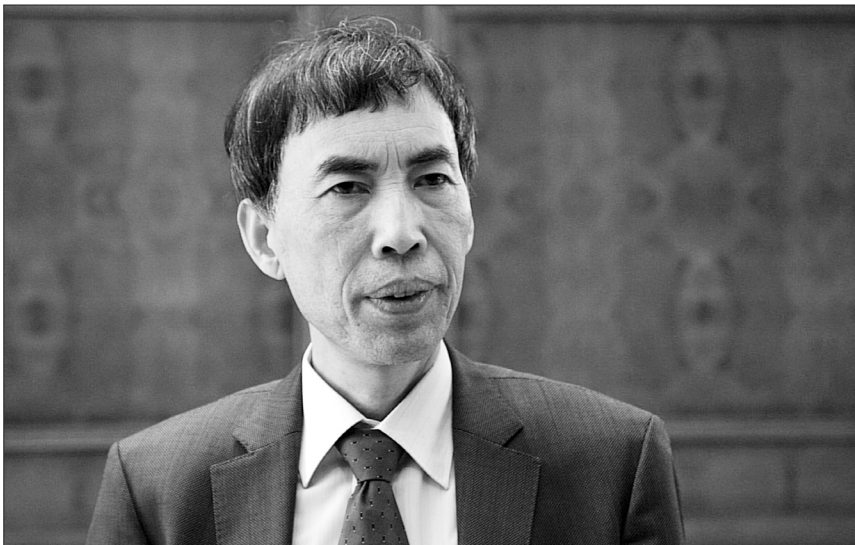
Mỗi khi tựu trường, gặp lại thầy cô của mình, những kỷ niệm tươi rói lại ùa về. Ôn thầy cô dạy dỗ để ta nên người. Thầy cô tự hào, hãnh diện và hạnh phúc khi thấy học trò mình thành người. Ý thức được giá trị cốt lõi, vô giá ấy, thầy cô sẽ có cuộc sống tự nhiên, trong sạch, nhẹ nhàng, tâm hồn thanh thản, đón nhận và theo đuổi nghề, cống hiến hết mình bằng sự đam mê mãnh liệt. Phải chăng đó chính là triết lý thành công của một nền giáo dục lấy thầy cô, học trò làm trung tâm; lấy đạo đức làm nền tảng để hình thành nhân cách, định hướng phương pháp giải quyết những vấn đề của cuộc sống chứ không chỉ là nhồi nhét kiến thức một cách giáo điều.

Khi thầy viết bảng, bụi phấn rơi rơi. Có hạt bụi nào rơi trên bục giảng, có hạt bụi nào vương trên tóc thầy. Mai sau lớn nên người, làm sao có thể nào quên, ngày xưa thầy dạy dỗ cho em bài học hay...

Cứ mỗi độ thu về, được nghe những lời ca ấy, bao kỷ niệm tuổi thơ trẻ trung, hồn nhiên, trong sáng thời “những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng” lại ùa về trong ký ức mỗi người. Và mỗi người lại thốt lên: ước gì cho thời gian trở lại! ■

Phát triển xanh - công cuộc gian khổ nhưng đầy hứa hẹn

Trò chuyện với Chuyên gia kinh tế **VÕ TRÍ THÀNH**,
nguyên Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương



Thưa ông, trong xu thế hiện nay, phát triển kinh tế được nhìn nhận không chỉ trên những con số tăng trưởng mà còn phải đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường. Là một chuyên gia kinh tế, ông đánh giá như thế nào về những định hướng chính sách của Việt Nam đối với vấn đề này?

Trong vòng 20 năm trở lại đây, tức khoảng từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, chúng ta đã nhìn nhận lại vấn đề phát triển một cách đầy đủ và sâu sắc hơn. Phát triển không còn là câu chuyện tăng trưởng, có thêm thu nhập, tiền bạc mà nó còn gắn với sự bền vững về mặt xã hội và môi trường. Hai mặt này không chỉ gắn với sản xuất kinh doanh - điều người ta hay nói tới, mà còn gắn cả cách thức tiêu

dùng và cách thức sống. Từ đó, chúng ta có nhiều ý tưởng mới về chính sách. Mặc dù, để có một chính sách thích hợp không phải dễ, có thể phải đánh đổi, đặc biệt trong ngắn hạn, nó cũng có thể là dài hạn.

Phát triển gắn tăng trưởng với môi trường, bên cạnh khái niệm bền vững còn có khái niệm mới là tăng trưởng xanh, nhưng chung quy lại, thân thiện với môi trường hay tăng trưởng xanh thì cũng đều là sự phát triển bền vững. Mặc dù còn nhiều nội dung gây tranh cãi, nhưng chính sách liên quan đến vấn đề này vẫn thể hiện rõ trên một số điểm sau:

Thứ nhất, về ý tưởng phát triển, đây không chỉ là khẩu hiệu, xúc cảm mà nó thực sự là vấn đề sống còn của nhân loại.

Thứ hai, các quan điểm tương

đối nhất quán, nhất trí. Trong thập kỷ trước, có không ít quốc gia trên thế giới đã xem nhẹ môi trường để dành lấy tăng trưởng, có tiền mới lo cho môi trường. Đến bây giờ, quan điểm đã rõ ràng hơn: nghĩa là phải có thái độ, trách nhiệm ngay từ đầu đối với phát triển bền vững, đối với môi trường, dù là nước nghèo, nước có thu nhập thấp. Không phải đợi đến lúc có tiền mới lo bảo vệ môi trường mà phải kết hợp, lồng ghép vấn đề phát triển bền vững, vấn đề môi trường vào quá trình làm chính sách, thúc đẩy tăng trưởng, tạo cuộc sống và cách thức tiêu dùng tốt hơn.

Thứ ba, lồng ghép tất cả các cách thức thúc đẩy sự phát triển bền vững như: tuyên truyền thay đổi ý thức, chính sách “cây gậy, củ cà rốt” (thưởng, phạt)... Như vậy, nó bao gồm không chỉ hành động của từng người mà phải gắn với các biện pháp, những giải pháp chính sách từ cụ thể cho đến tầm vĩ mô.

Trong chính sách, mặc dù những yêu cầu này đều có nhưng do chạy theo thành tích, do lợi ích trước mắt, do đòi hỏi cuộc sống phải có thu nhập tốt hơn cho địa phương, gia đình, cá nhân... nên việc thực hiện đã lệch lạc, méo mó, dẫn tới những hành vi tác động không tốt cho môi trường. Thậm chí, có những

nơi còn tác động rất nghiêm trọng. Câu chuyện này không phải chỉ là bài học rất đắt như vụ Formosa vừa qua mà đã xảy ra từ nhiều năm trước. Tuy nhiên, Formosa là vụ việc tác động đến môi trường nghiêm trọng nhất từ trước đến nay. Có thể nói, nó là “giọt nước tràn ly” từ các tích đọng quá lớn. Sự kiện Formosa và một số sự kiện gần đây là hồi chuông cảnh báo: Nếu Việt Nam không kiên quyết và nghiêm túc bắt tay vào việc thì hậu quả sẽ rất khôn lường.

Theo ông, hồi chuông này liệu có tạo nên những chuyển động tích cực trong chính sách cũng như trong thực tế?

Chúng ta đã có một số chuyển động tích cực từ hành vi tiêu dùng của người dân, từ sản xuất kinh doanh cho đến việc hoạch định chính sách. Bây giờ, rất nhiều doanh nghiệp tham gia những chiến dịch bảo vệ môi trường. Bản thân họ cũng ý thức hơn, bởi câu chuyện xanh và bảo vệ môi trường không chỉ đơn giản là yêu môi trường dưới góc độ công ty mà là đòi hỏi trong việc làm ăn, phát triển lâu dài. Ví dụ hiện nay, với các dự án đầu tư lớn, nếu doanh nghiệp vay từ các tập đoàn tài chính hay các ngân hàng lớn mà không có đánh giá tác động môi trường thì không vay được.

Ở Việt Nam, những chuyển động này chuyển biến trong rất nhiều chương trình như ngày chủ nhật xanh, tắt đèn 1 giờ, làm sạch biển... Một số chương trình đã có những tác động nhất định dù chưa mang tính phổ biến. Trong chính sách của Nhà nước, chúng ta đã bắt đầu tính đến

những giải pháp cụ thể liên quan đến thuế, khai thác tài nguyên, chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh... Mặc dù vậy, những chuyển động thân thiện với môi trường chưa đại trà và chưa mang tính phổ biến về ý thức.

Về chính sách, câu hỏi đặt ra là có dễ làm không? Tôi cho rằng không dễ:

Thứ nhất, việc thay đổi ý thức là rất khó bởi chúng ta đã quen với lối tiêu dùng theo nghĩa hưởng thụ mà thiếu ý thức bảo vệ môi trường.

Thứ hai, những tư tưởng mới về phát triển rất đa mục tiêu: xanh, sạch, đẹp phải gắn với giàu có hơn, thu nhập tăng, tăng trưởng tăng... Khi đa mục tiêu như vậy thì phải có nhiều công cụ, chính sách cũng như năng lực và nguồn lực để thực hiện. Thế nhưng, mỗi chính sách không phải cùng một lúc đều đạt được các mục tiêu ấy. Nó có thể có mặt này, mặt kia, thậm chí xét từng thời gian, nó có thể có sự đánh đổi giữa các mục tiêu.

Nói đến môi trường, nước nào cũng công nhận là tình hình đang rất nghiêm trọng, cần phải bảo vệ, nhưng đến lúc hành động thì lại không thể đồng thuận ý kiến trong phân định công việc và chi phí. Ở đây, giữa người chỉ ra và người được hưởng là hai vấn đề khác nhau. Ví dụ, doanh nghiệp xả thải thì người dân, xã hội phải chịu, doanh nghiệp không tính vào chi phí của họ. Như vậy, chi phí cũng như giá thị trường nhiều khi không phản ánh đúng những phí tổn, tổn thất đối với môi trường. Đây không chỉ là chuyện công ty, gia đình mà còn là câu chuyện quốc gia và thế

giới. Nói thì dễ bởi nước nào cũng cam kết nhưng khi thực thi lại rất khó khăn.

Thứ ba, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa thể hạch toán đúng chi phí về môi trường và chưa thực hiện được một cách hoàn chỉnh. Nếu chúng ta “thị trường hóa” được thì mới có thể phản ánh đúng chi phí, có hạch toán tốt về môi trường bởi đó là một phần của phí tổn.

Ông đánh giá như thế nào về cách giải quyết bài toán tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường của các nước trên thế giới?

Cho đến nay, đã có nhiều bài học rút ra từ việc giải quyết bài toán phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, tuy nhiên có thể thấy rõ 2 điều:

Thứ nhất, đối với những nước phát triển, từ ý thức, chính sách cho đến cách xử lý của chính quyền hay người dân đều rất rõ ràng, bài bản và có hiệu quả. Bài học thành công nhất đó là ý thức rất cao của người dân đối với vấn đề bảo vệ môi trường cũng như tăng trưởng xanh. Chẳng hạn, ở Hà Lan và Đức, người ta không thích đi xe lửa hay máy bay mà thích đi xe đạp; những hành vi nhỏ nhất như cách sắp xếp chỗ đồ rác... cũng rất quy củ.

Thứ hai, đối với những nước đang phát triển, có thể công việc còn dang dở, khó khăn còn chồng chất, nhưng rất nhiều nơi đã luôn ý thức rất rõ về môi trường. Họ đẩy mạnh việc tuyên truyền, lấy Nhà nước làm tấm gương để thay đổi từ những hành vi nhỏ nhất trong ứng xử với môi trường, như cách thức tiêu dùng, cách thức sản xuất kinh doanh...

Đối với việc thu hút và đánh giá đầu tư, các dự án liên quan đến tài nguyên, các dự án công nghiệp, nông nghiệp... đều được đánh giá đặc biệt nghiêm túc.

Trong khi đó tại Việt Nam, chính sách để điều chỉnh ứng xử của xã hội, của thị trường, dù là người tiêu dùng hay doanh nghiệp thì cơ bản vẫn dựa vào các biện pháp như: truyền thông, thuế, phí, thưởng, phạt; “thị trường hóa” một số quá trình, một số tài sản...

Vậy theo ông, chúng ta cần có những giải pháp gì để sự phát triển và đảm bảo môi trường được hài hòa như mong đợi?

Muốn tạo ra một sự phát triển bền vững thì những chính sách lớn liên quan đến các dự án đầu tư lớn phải có sự đánh giá nghiêm túc về môi trường. Điều này đòi hỏi chúng ta phải gắn sản xuất, kinh doanh với tiêu dùng và cách sống. Để đảm bảo tính nghiêm túc, đội ngũ đánh giá phải đảm bảo 3 yếu tố: chuyên nghiệp, có cái nhìn lợi ích tổng thể và độc lập. Bên cạnh đó, do những khó khăn về chính sách, do mâu thuẫn có thể phát sinh một cách phức tạp, không thể thiếu một biện pháp quan trọng là thực hiện giám sát. Yêu cầu đối với giám sát cũng gần như đội ngũ đánh giá, đó là: độc lập, chuyên nghiệp, lợi ích tổng thể và phải có đủ quyền lực.

Vì đây là vấn đề khó về mặt chính sách, cho nên cách ứng xử của Nhà nước rất quan trọng:

Trước hết, Nhà nước phải là một ngôi sao sáng, một tấm gương tốt. Vì sao vậy? Chúng ta nhớ rằng, Nhà nước là một nhà



đầu tư và một nhà tiêu dùng rất lớn. Cho nên, trong khi đặt hàng hay đầu tư, hơn ai hết, Nhà nước phải luôn đặt ra yêu cầu về tính bền vững và môi trường xanh. Đây chính là chất kích thích để doanh nghiệp tạo ra hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường.

Thứ hai, vấn đề môi trường luôn gắn với năng lượng. Câu chuyện ở đây không chỉ dừng ở việc có những chính sách thúc đẩy năng lượng sạch mà còn phải có chính sách đúng trong vấn đề trợ cấp giá năng lượng. Trước kia, trợ cấp năng lượng chủ yếu chỉ hỗ trợ đối với hai

mục tiêu xã hội là hỗ trợ người nghèo và giảm chi phí đầu vào cho sản xuất kinh doanh. Thế nhưng, điều này có thể tạo ra hiệu ứng rất xấu về môi trường. Bởi thế, hiện nay có một chính sách khôn ngoan hơn là không trợ cấp giá năng lượng như trước nữa mà trợ cấp trực tiếp qua thu nhập cho người nghèo, bên cạnh đó là phát triển năng lượng tái tạo.

Thứ ba, Nhà nước cần thể hiện vai trò trong chi phí và trong hợp tác với quốc tế, với khu vực tư nhân nhằm chia sẻ rủi ro, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ.



Thứ tư, vấn đề phát triển bền vững và tự do hóa thương mại: Sự phát triển kinh tế thương mại kể cả trong nước, ngoài nước hay cách thức tiêu dùng sai lệch đều có thể dẫn đến hiện tượng phá rừng, mất đa dạng sinh học... Trước đây, người ta có những biện pháp ngăn cấm quá trình tự do hóa thương mại nhưng gần đây điều này lại được khuyến khích. Thực tế, nếu không có những biện pháp tốt thì tự do hóa thương mại có thể kéo theo sự tàn phá tài nguyên.

Thứ năm, phát triển xanh không chỉ là câu chuyện chính sách mà thực sự đã trở thành một

ngành sản xuất kinh doanh. Ở một số quốc gia, ngành “xanh” đóng góp một tỷ lệ GDP không nhỏ, tạo công ăn việc làm, khởi nghiệp, phát huy sáng tạo vì nó gắn với cuộc cách mạng công nghệ mới về vật liệu, sinh học, năng lượng, thông tin. Màu xanh có thể gắn với tất cả các dịch vụ và sản phẩm. Chính vì vậy, đây là một ngành đầy hứa hẹn.

Như vậy, chúng ta phải bắt tay một cách kiên quyết và mạnh mẽ dù đây là bài toán khó. Trên cả 3 khía cạnh: chính sách, đánh giá tác động và giám sát, chúng ta phải có một cái nhìn đầy đủ, khoa học. Bên cạnh những giải

pháp gấp gáp, quyết liệt phải làm, lĩnh vực này cũng cần nhiều chuyên gia, những người am hiểu về phát triển bền vững. Đây là một công cuộc gian khổ, phức tạp. Bởi vậy, chúng ta không nên chỉ có bức xúc. Nó không sai nhưng cũng chưa đúng nếu chỉ là xúc cảm, là tình yêu thuần túy đối với môi trường và màu xanh, mà nó cần một sự bài bản, khoa học, cần sự nhìn nhận tổng thể để có những chính sách và cách làm thích hợp.

Thưa ông, gần đây, kiểm toán môi trường được coi là một giải pháp kiểm soát tốt cho vấn đề phát triển bền vững. Ông đánh giá như thế nào về lĩnh vực kiểm toán này?

Tôi cho rằng, kiểm toán môi trường có hai ý nghĩa lớn. Nó không chỉ nhận xét, đánh giá, phê phán tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp mà nó còn gắn với những ý tưởng phát triển mới, thay đổi hành vi của thị trường và gắn với hoạch định chính sách. Qua kết quả kiểm toán, chúng ta có những đóng góp ý kiến để hoàn thiện khung khổ pháp lý, chính sách vì mục tiêu đảm bảo hiệu quả gắn với phát triển bền vững. Muốn đạt được điều này, bên cạnh năng lực chuyên môn, đội ngũ kiểm toán viên phải có cái nhìn toàn diện, đầy đủ và sâu rộng. Với ý nghĩa ấy, kiểm toán môi trường vừa là một phần của quá trình giám sát, vừa nằm trong quá trình hoàn thiện thể chế cả về mặt pháp lý, chính sách...

Trân trọng cảm ơn những chia sẻ của ông!.

XUÂN HỒNG (thực hiện)

Báo cáo tài chính nhà nước: Làm sao để tránh tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi"?

 MINH ANH

Đặc san Kiểm toán tháng 10/2016 đã có bài viết giới thiệu những nội dung chủ yếu của Dự thảo Nghị định về báo cáo tài chính nhà nước. Trong số này, chúng tôi xin tiếp tục đề tài với bài phản ánh những ý kiến đóng góp cho Dự thảo, như việc công khai thông tin, thời điểm thực hiện, và đặc biệt là vấn đề kiểm toán đối với báo cáo tài chính nhà nước.

Công khai thông tin chủ yếu hay thông tin không bí mật?

Theo Dự thảo Nghị định, báo cáo tài chính nhà nước sẽ công khai các thông tin chủ yếu về tình hình tài sản nhà nước; nợ công và các khoản phải trả khác của nhà nước; nguồn vốn của nhà nước; tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính nhà nước; tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước.

Theo ông Phạm Sỹ Danh, Chủ tịch Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), việc công khai, minh bạch báo cáo tài chính nhà nước vừa phục vụ công tác quản lý, quản trị của Chính phủ, vừa giúp người dân biết và giám sát hoạt động tài chính công. Vì vậy, yếu tố công khai trong báo cáo tài chính nhà nước cần được quan tâm một cách đầy đủ, nếu không, nó sẽ không đáp ứng được các mục tiêu của việc lập báo cáo tài chính nhà nước. Sau khi Bộ Tài chính công bố nội

dung Dự thảo trên mạng internet để lấy ý kiến, nhiều nhà kinh tế, nhà khoa học cho rằng báo cáo tài chính nhà nước sẽ công khai chi tiết từng khoản chi tiêu của Chính phủ như: tiếp khách, mua xe, vé máy bay... để dân giám sát. Như vậy, kỳ vọng của người dân về thông tin sẽ công khai trong báo cáo tài chính nhà nước là rất lớn và Chính phủ cần đáp ứng nhu cầu này ở mức cao nhất. Theo Dự thảo Nghị định, báo cáo tài chính nhà nước phản ánh đầy đủ tình hình tài chính nhà nước nhưng lại chỉ công khai những thông tin chủ yếu, tức là một phần thông tin. Điều này sẽ khiến dư luận hiểu rằng, Nhà nước vẫn còn những thông tin khác chưa minh bạch, không muốn công khai với dân về tài chính công. Ông Danh cho rằng, trừ các khoản chi đặc biệt (theo quy định là thông tin mật), còn những thông tin khác có cần thiết coi là thông tin chủ yếu hay không, thông tin nào là chủ yếu, nếu công khai một phần thông tin

thì giải quyết vấn đề gì và người dân giám sát như thế nào. Cơ quan soạn thảo Nghị định cần làm rõ mục đích, yêu cầu phải công khai báo cáo tài chính nhà nước và nên cân nhắc việc công khai thông tin chủ yếu hay công khai những vấn đề không bí mật.

Bà Trần Mai Phương, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: trong những năm gần đây, việc công khai thông tin theo Luật Ngân sách nhà nước đã có nhiều đổi mới, tuy nhiên, khi công khai, nhiều người dân vẫn không hiểu các chỉ tiêu trong danh mục. Đây là những điều cơ quan quản lý cần lưu ý khi công khai báo cáo tài chính nhà nước. Vì thế, Bộ Tài chính nên quy định cụ thể, rõ ràng nội dung công khai báo cáo tài chính nhà nước (trừ thông tin mật), bằng biểu công khai như thế nào để tất cả người dân hiểu được thì việc công khai mới có ý nghĩa. Hiện tại, Dự thảo Nghị định quy định rất chung chung việc công khai



thông tin tình hình tài sản nhà nước, nợ công và các khoản phải trả khác của Nhà nước,... chỉ những người có chuyên môn về tài chính mới hiểu được những thông tin này.

Đồng quan điểm nêu trên, bà Vũ Hoàng Quyên, chuyên gia cao cấp của ngân hàng thế giới (WB) tại Việt Nam so sánh một cách hình ảnh rằng, báo cáo tài chính nhà nước là bức tranh tổng quát lần đầu tiên được công khai giống như một mũi tên trúng 2 đích, vừa phục vụ việc điều hành, vừa phục vụ việc giám sát của người dân. Vì vậy, ngoài mẫu biểu chi tiết, đầy đủ để phục vụ việc điều hành, cơ quan quản lý nên quy định hệ thống mẫu biểu đơn giản hơn (giống như ngân sách cho công dân) hay còn gọi là báo cáo tài chính cho công dân với các chỉ tiêu cơ bản để người dân hiểu được.

Báo cáo tài chính nhà nước cần được kiểm toán ngay từ lần đầu tiên

Trong thời gian đầu lập báo cáo tài chính nhà nước, cơ quan

lập báo cáo vừa hoàn thiện quy trình vừa thực hiện. Chính vì vậy, một số ý kiến, đặc biệt là các ý kiến từ cơ quan soạn thảo đã cho rằng, hiện tại chưa nên đặt ra yêu cầu kiểm toán đối với báo cáo này. Tuy nhiên, ở góc độ KTNN, ông Lê Huy Trọng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế khẳng định quan điểm: báo cáo tài chính nhà nước là một bộ phận của báo cáo tài chính nên tất yếu phải thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật KTNN. Theo ông Trọng, trước đây, KTNN có thực hiện loại hình kiểm toán báo cáo tài chính, tuy nhiên, trong thực tế, nhiều đơn vị lại chưa có báo cáo tài chính. Vì vậy, các quyết định kiểm toán khi đó thường ghi bằng cụm từ: kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước của đơn vị. Đến nay, Điều 32, Luật KTNN sửa đổi không quy định kiểm toán báo cáo tài chính nữa, thay vào đó là quy định kiểm toán tài chính. Chuẩn mực KTNN cũng quy định rõ bằng cụm từ này. Như vậy, KTNN không chỉ kiểm toán báo cáo tài chính mà còn kiểm toán cả thông

tin tài chính.

Ông Phạm Công Tham, Phó Chủ tịch thường trực Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) nêu vấn đề, theo Dự thảo, Bộ Tài chính vừa hướng dẫn, vừa thực hiện, vừa kiểm tra việc lập báo cáo tài chính nhà nước. Vậy cơ quan nào sẽ giám sát việc này? Để tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, ông Tham cho rằng cần phải kiểm toán báo cáo tài chính nhà nước bởi KTNN chính là cơ quan giúp tăng độ tin cậy của thông tin. Hơn nữa, nếu đưa quy định KTNN kiểm toán báo cáo tài chính nhà nước cũng rất hợp lý, khi mà báo cáo tài chính nhà nước là một loại hình của báo cáo tài chính.

Bà Trần Thúy Hà, chuyên gia của WB thì cho rằng, hiện tại, mặc dù Luật Kế toán chưa quy định việc kiểm toán báo cáo tài chính nhà nước và thực tế cũng khó thực hiện kiểm toán ngay từ thời điểm mới triển khai thực hiện vì đảm bảo tính thời sự. Tuy nhiên, khi công khai báo cáo tài chính nhà nước, bất kỳ tổ chức

quốc tế nào cũng đặt câu hỏi báo cáo này đã được kiểm toán hay chưa và được kiểm toán bởi cơ quan nào. Theo bà Hà, thời gian đầu có thể chưa kiểm toán nhưng cơ quan soạn thảo cần quy định lộ trình cụ thể để thực hiện việc này nhằm đảm bảo tính chính xác của thông tin.

Liên quan đến vấn đề thẩm định báo cáo này, ông Phạm Sỹ Danh chia sẻ, trong giai đoạn đầu lập báo cáo tài chính nhà nước, các quốc gia có nền tài chính công, hành chính công phát triển như Anh, Úc, Ni-udilân... thường thành lập một ủy ban hay hội đồng, tổ chức, thẩm định báo cáo tài chính, trình Bộ trưởng để đảm bảo được chất lượng và thời gian báo cáo. Đối với Việt Nam, ông Nguyễn Hồng Hà, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước cũng cho biết, Bộ Tài chính sẽ có bộ phận thẩm định báo cáo của KBNN để đảm bảo độ khách quan, tin cậy của thông tin đưa ra.

Sẽ còn nhiều thách thức để có một báo cáo đáng tin cậy

Dự kiến, Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 và báo cáo tài chính nhà nước đầu tiên được lập theo số liệu tài chính năm 2018. Về vấn đề này, bà Vũ Hoàng Quyên cho biết, tuy WB rất ủng hộ chủ trương lập báo cáo tài chính nhà nước của Việt Nam nhưng cơ quan này vô cùng quan ngại vì lộ trình tham vọng mà Việt Nam đặt ra. Ở các nước phát triển, kể từ khi Luật có hiệu lực đến khi ban hành báo cáo tài chính nhà nước đầu tiên đều phải mất hơn 10 năm, do thách thức về kỹ thuật, về chế độ kế toán, về hệ

thống thông tin...

Ông Phạm Sỹ Danh phân tích thêm, để có báo cáo tài chính nhà nước đầy đủ và hoàn chỉnh phải có lộ trình vì nó liên quan đến chủ trương, nội dung, nguồn lực, công nghệ thông tin và các vấn đề kỹ thuật như chế độ kế toán. Hiện nay, ở Việt Nam, hệ thống kế toán trong khu vực kế toán công chưa thống nhất, chưa nói đến hệ thống kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán NSNN, kế toán đơn vị sự nghiệp có thu... Muốn có hệ thống báo cáo tài chính nhà nước được các tổ chức quốc tế thừa nhận, Việt Nam cần có chuẩn mực kế toán công. Đây là thách thức rất lớn về mặt kỹ thuật cho Việt Nam khi lập báo cáo tài chính nhà nước.

Ông Danh đề nghị ban soạn thảo quy định cụ thể việc kiểm tra lập báo cáo tài chính nhà nước để tránh tình trạng Bộ Tài chính “vừa đá bóng, vừa thổi còi”. Theo lo ngại của ông Danh, nếu Bộ Tài chính vừa thực hiện vừa kiểm tra việc lập báo cáo này thì sẽ khó có đủ thời gian và nguồn lực.

Ông Danh cũng đề xuất ban soạn thảo bổ sung một điều về chế tài xử lý vi phạm (vi phạm về thời gian, nội dung, chỉ tiêu, số liệu...) vào Dự thảo Nghị định để gắn với trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong việc lập báo cáo tài chính nhà nước.

Đại diện Bộ Y tế, Giao thông - Vận tải, Sở Tài chính Hà Nội đều kiến nghị ban soạn thảo nên quy định cụ thể thể nào là thông tin chủ yếu; quy trình cung cấp thông tin từ cơ sở, cung cấp những thông tin gì, mẫu biểu,

thời gian, trách nhiệm của các sở tài chính trong việc lập báo cáo tài chính nhà nước...

Đại diện WB khuyến nghị thêm, nếu Việt Nam truyền thông không rõ ràng, người dân sẽ quá kỳ vọng vào báo cáo tài chính nhà nước. Đồng thời, theo WB, tại thời điểm này, Việt Nam chưa nên lập báo cáo tài chính nhà nước đến cấp huyện, mặc dù về lâu dài sẽ phải thực hiện việc này. Bên cạnh đó, trong giai đoạn đầu, Việt Nam cần tập trung thực hiện tốt Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước và Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước. Riêng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ thì sẽ thực hiện được ở thời điểm sau đó. Tương tự, các chỉ tiêu về tài sản công cũng từng bước đưa vào báo cáo theo hình thức thống kê, chưa đưa theo phương pháp kế toán như tính khấu hao, chi phí... Những tài sản vô hình, vốn nhà nước tại doanh nghiệp,... sẽ bổ sung vào báo cáo ở giai đoạn sau.

Đại diện WB cũng nhấn mạnh, Việt Nam cần phải mất nhiều thời gian để có một bản báo cáo đáng tin cậy phục vụ việc điều hành, giám sát và được cộng đồng quốc tế công nhận.

Ông Vũ Đức Chính, Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán, Bộ Tài chính đề nghị, khi lập báo cáo, cơ quan soạn thảo cần có bình luận, đánh giá về ý nghĩa, tác động của thông tin đối với nền kinh tế, thay vì chỉ nêu chi tiết các chỉ tiêu, con số đơn thuần trong Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước. ■



Cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi

 **THÙY ANH**

Mới đây, tại Hội nghị thúc đẩy giải ngân vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi, đại diện các nhà tài trợ đã nhận định rằng: tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi của Việt Nam đang rất chậm, trung bình phải mất 5 năm mới giải ngân xong một dự án. Trong khi đó, nếu một dự án chậm trễ 2-3 năm thì chi phí thực tế sẽ tăng lên đến 50% so với dự toán. Để nguồn vốn ODA được sử dụng cần trọng và hiệu quả hơn, sắp tới, các bộ, ngành, địa phương sẽ thực hiện một số giải pháp như: đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, không được giải ngân vượt kế hoạch và thực hiện cơ chế cho vay lại đối với chính quyền địa phương.

Kéo dài hơn 2 năm, chi phí có thể tăng lên 50% so với dự toán

Tại cuộc họp báo vào cuối tháng 10, ông Hoàng Hải - Phó Cục trưởng Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính - cho biết, trong 10 năm (2005-2015), tổng số vốn ODA và vốn vay ưu đãi do Việt Nam ký kết đạt khoảng 45 tỷ USD, trong đó, nguồn ODA tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: hỗ trợ cân đối tài chính vĩ mô; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội; phát triển y tế, giáo dục và đào tạo; phát triển nông nghiệp kết hợp xóa đói, giảm nghèo; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu... Riêng trong 9 tháng qua, tổng số vốn ODA Việt Nam huy động được là 350,5 nghìn tỷ đồng, đạt 77,5% kế hoạch.

Theo ông Hoàng Hải, trong thời gian qua, quy định về quản lý tài chính các chương trình, dự án ODA còn một số điểm bất cập như cho phép dự án giải ngân vốn ODA vượt kế hoạch, với điều kiện trước 30/12 hàng năm chủ dự án gửi kế hoạch vốn bổ sung được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bên cạnh đó, quy trình hạch toán NSNN chưa rõ; dự án chậm nhận được kết quả ghi thu ghi chi; số liệu hạch toán chênh lệch so với thực tế phát sinh, gây ảnh hưởng lớn trong vấn đề quyết toán dự án; số liệu giải ngân lớn hơn nhiều so với số kế hoạch được giao. Ngoài ra, cơ quan quản lý chưa quy định về việc quyết toán kết thúc dự án vốn sự nghiệp nên dự án hoàn tất mà không có cơ sở quyết toán; lãi trên tài khoản tạm ứng không đủ bù phí dịch vụ ngân hàng, xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh...



Cũng theo Bộ Tài chính, từ năm 2010, Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình và mức độ ưu đãi của các khoản vay dành cho Việt Nam đã giảm rõ rệt. Trước năm 2010, thời hạn vay bình quân từ 30-40 năm, với chi phí vay khoảng 0,7-0,8%/năm (bao gồm thời gian ân hạn), sang giai đoạn 2011-2015, thời hạn vay bình quân chỉ còn từ 10-25 năm, với chi phí vay khoảng 2%/năm trở lên. Dự kiến đến tháng 7/2017, Việt Nam có thể không còn được vay theo điều kiện ODA mà phải chuyển sang sử dụng nguồn vay ưu đãi và tiến tới vay theo điều kiện thị trường, nguồn vốn ODA đã vay

chuyển sang điều khoản trả nợ nhanh gấp đôi hoặc tăng lãi suất lên từ 2%-3,5%.

Còn theo Ban Chi đạo quốc gia về ODA và vốn vay ưu đãi, từ năm 1990 đến nay, 6 cơ quan phát triển gồm: Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (Keximbank) và Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) đã cam kết cho Việt Nam vay 65 tỷ USD. Đến hết năm 2015, có 292 dự án vay vốn ưu đãi đang triển khai, nhưng nguồn vốn giải ngân chậm. Số vốn ODA, vốn ưu đãi



cam kết cho 292 dự án khoảng 31,6 tỷ USD nhưng số vốn chưa giải ngân lên tới hơn 18 tỷ USD. Năm 2015, tiến độ giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi giảm mạnh, ước đạt 722 triệu USD trong tổng số hơn 3 tỷ USD cam kết. Đến hết tháng 9/2016, cả nước đã giải ngân được 33.948,5 tỷ đồng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, bằng 70,6% kế hoạch (bằng 81,4% mức giải ngân cùng kỳ năm ngoái). Ông Nguyễn Thế Phương, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư dự báo, với tiến độ như hiện nay, khả năng năm nay số vốn giải ngân khó đạt như năm ngoái. Ông Phương đã chỉ ra một số nguyên nhân chính gây

wướng mắc quá trình giải ngân. Đó là: nguồn vốn nước ngoài ở một số dự án chưa sát với khả năng thực hiện và giải ngân; thiếu vốn đối ứng; công tác giải phóng mặt bằng chậm; sự khác biệt về quy trình, thủ tục trong quản lý tài chính và đấu thầu giữa Việt Nam và nhà tài trợ; báo cáo nghiên cứu khả thi của một số dự án không đáp ứng yêu cầu; việc thẩm định một số dự án đầu tư có công nghệ mới còn chậm do thiếu kinh nghiệm...

Ở góc độ nhà tài trợ, ông Rustam Ishenaliev, Trưởng phòng quản lý dự án Văn phòng Ngân hàng ADB tại Việt Nam đã nêu rõ những thiệt hại về kinh tế do

việc chậm giải ngân gây ra. Theo kết quả khảo sát của ADB tại Việt Nam, trung bình mất 8 tháng Việt Nam mới phê duyệt được các thỏa thuận đã ký kết; công tác tư vấn cho các khoản vay cũng mất nhiều thời gian, trung bình 2 năm kể từ khi phê duyệt khoản vay mới có hợp đồng tư vấn cho khoản vay đầu tiên. Bên cạnh đó, việc không thực hiện thu hồi đất và tái định cư trước khi các khoản vay có hiệu lực, thiếu vốn đối ứng, công tác lập kế hoạch kém cũng đang làm trễ tiến độ giải ngân nguồn vay ODA và vốn ưu đãi. Tính trung bình, nếu dự án kéo dài thêm 1 năm thì chi phí tăng thêm 17,6%, nếu kéo dài hơn 2 năm, chi phí có thể tăng lên 50% so với dự toán.

Cải thiện hiệu quả sử dụng ODA

Xuất phát từ những vướng mắc trong quản lý tài chính các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài thời gian qua và yêu cầu về quản lý trong giai đoạn tới, Bộ Tài chính đã quy định một số nội dung mới trong Thông tư số 111/2016/TT-BTC về quản lý tài chính các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 01/11/2016), như hướng dẫn nội dung và quy trình xác định cơ chế tài chính. Điểm mới đáng chú ý khác là, Thông tư số 111 bỏ quy định cho phép chủ dự án giải ngân vượt kế hoạch; cơ sở kiểm soát chỉ là kế hoạch được giao hoặc kế hoạch vốn bổ sung do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đồng thời, việc kiểm soát chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi áp dụng quy trình chung về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp, thanh toán chi giải phóng mặt bằng; hồ sơ kiểm soát chi; yêu cầu kiểm soát chi sau đối với hình thức tín dụng thư có hoặc không có thư cam kết; cho phép kiểm soát chi sau từ tài khoản cấp 2 đối với các khoản chi cụ thể trong phạm vi dự toán đã được duyệt.

Thông tư số 111 cũng quy định, báo cáo tài chính năm của chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập và theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp dự án đã có trong thông báo kế hoạch kiểm toán hàng năm của KTNN và được nhà tài trợ chấp thuận thì báo cáo tài chính năm đó không bắt buộc phải kiểm toán độc lập. Chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính đã kiểm toán cho cơ quan chủ quản và KTNN cùng thời điểm gửi nhà tài trợ...

Một giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi là Chính phủ sẽ thực hiện giải pháp cho chính quyền địa phương vay lại. Bộ Tài chính đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định về việc quản lý cho vay lại đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ nguồn vốn ODA và vay ưu đãi của Chính phủ. Theo dự thảo, địa phương thuộc diện được ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối từ 70% trở lên được Chính phủ hỗ trợ cấp phát tối đa 90% vốn vay ODA và cho vay lại tối thiểu 10% vốn vay ODA. Địa phương thuộc

diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối từ 50% đến dưới 70% được Chính phủ hỗ trợ cấp phát tối đa 80% vốn vay ODA và cho vay lại tối thiểu 20% vốn vay ODA. Địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối đến dưới 50% được hỗ trợ cấp phát tối đa 70% vốn vay ODA và cho vay lại tối thiểu 30% vốn vay ODA. Địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) được hỗ trợ cấp phát tối đa 50% vốn vay ODA và cho vay lại tối thiểu 50% vốn vay ODA. Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được hỗ trợ cấp phát tối đa 20% vốn vay ODA và cho vay lại tối thiểu 80% vốn vay ODA.

Về phía Bộ Kế hoạch & Đầu tư, giải pháp được Thứ trưởng Nguyễn Thế Phương nhấn mạnh là, Chính phủ cần phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan chủ quản dự án ODA được quyết định việc điều chỉnh hoạt động, tái phân bổ vốn dự án trong phạm vi đã được phê duyệt. Đồng thời, các cơ quan quản lý phải tăng cường công tác xây dựng, giám sát, đánh giá tình hình thực tế để thực hiện kế hoạch trung hạn và hàng năm; đơn giản hóa thủ tục thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng và thủ tục kiểm soát chi, giải ngân vốn đầu tư từ NSNN.

Tại Hội nghị thúc đẩy giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi do Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh chủ trì, Phó Thủ tướng đã yêu cầu Ban Chỉ đạo quốc gia về ODA và vốn vay ưu đãi phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương và các

nhà tài trợ để đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo kế hoạch đã đặt ra, tập trung cho dự án quan trọng kết thúc trong năm 2016.

Phó Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chú trọng nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án, nhất là cải thiện chất lượng thiết kế dự án để rút ngắn tối đa thời gian thực hiện cũng như giảm thiểu các chi phí do phải điều chỉnh, bổ sung thiết kế; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan và nhà tài trợ tổ chức thường xuyên các cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện, xác định và kịp thời xử lý các vướng mắc nảy sinh, thúc đẩy tiến độ thực hiện giải ngân các chương trình, dự án ODA; tăng cường công tác xây dựng, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm về vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng; bảo đảm bố trí kế hoạch sát với thực tế thực hiện, kịp thời có giải pháp xử lý trong trường hợp số vốn giải ngân vượt kế hoạch giao; duy trì tốt chế độ báo cáo theo quy định, thường xuyên cập nhật trực tuyến hệ thống thông tin giám sát và đánh giá đầu tư của Bộ KH&ĐT về tình hình thực hiện và giải ngân các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định.

Phó Thủ tướng đã đề nghị Bộ Tài nguyên & Môi trường cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn quy trình giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn ưu đãi...■

Đề xuất tăng tuổi nghỉ hưu: Cần thiết nhưng phải có lộ trình phù hợp

 **THÙY LÊ**

Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới, đến năm 2040, số dân từ 65 tuổi trở lên của Việt Nam sẽ tăng gấp 3 lần hiện tại, đạt khoảng 18,4 triệu người. Theo đó, tình trạng già hoá dân số đang gây ra nhiều thách thức, trong đó rủi ro lớn nhất và cấp bách nhất chính là sự mất cân đối tài chính trong hệ thống hưu trí hiện nay. Dự kiến, năm 2017, khi trình Quốc hội Bộ Luật Lao động sửa đổi, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục đưa ra phương án tăng tuổi nghỉ hưu nhằm ứng phó với nguy cơ mất cân đối Quỹ Bảo hiểm Xã hội (BHXH) và tình trạng già hóa dân số. Nhiều chuyên gia cho rằng, đề xuất tăng tuổi nghỉ hưu là hết sức cần thiết để ứng phó với già hóa dân số, sử dụng tốt nguồn nhân lực và đảm bảo sự cân đối giữa đóng và hưởng lương hưu. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến trái chiều, đặc biệt là những thắc mắc xung quanh đối tượng và lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu.

Nguy cơ vỡ quỹ BHXH

Lý giải nguyên nhân cần phải tăng tuổi nghỉ hưu, ông Phạm Minh Huân, Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho biết, việc điều chỉnh tuổi nghỉ hưu là thực sự cần thiết để tận dụng lực lượng lao động, vì trên thực tế có nhiều phụ nữ 55 tuổi hay nam giới 60 tuổi vẫn còn sức khỏe và muốn tiếp tục làm việc. Một lý do quan trọng nữa đó là cân bằng Quỹ BHXH, bởi tuổi thọ của người Việt Nam đã tăng lên, hiện trung bình tuổi thọ là 73 tuổi, vì vậy nếu không tăng tuổi nghỉ hưu thì sẽ gây vỡ Quỹ. Chưa kể, số người đóng BHXH cho một người hưởng lương hưu đang ngày càng ít đi. Năm 1996, cứ 217 người đóng BHXH thì mới có một người hưởng lương hưu; năm 2000, số người đóng

còn 34, năm 2009 giảm xuống còn 11 người và hiện nay cứ 9 người đóng BHXH thì có một người hưởng lương hưu. Đây là nguyên nhân quan trọng khiến cho quỹ hưu trí mất cân đối. Quốc gia nào cũng phải xây dựng quỹ BHXH thông qua việc cân đối giữa thời gian đóng BHXH và thời gian hưởng lương hưu, giữa mức đóng BHXH và mức hưởng lương hưu. Khi GDP tăng, mức sống và tuổi thọ của người lao động tăng thì phải điều chỉnh tuổi nghỉ hưu. Tuy nhiên, việc điều chỉnh như thế nào thì cần tính toán, cân nhắc theo một lộ trình cụ thể.

Tăng với đối tượng nào và bao giờ tăng?

Theo ông Bùi Sỹ Lợi, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về Các vấn

đề xã hội của Quốc hội, có 3 điểm chủ chốt chúng ta cần quan tâm khi tăng tuổi nghỉ hưu: Một là, căn cứ vào sức khỏe của người lao động; Hai là, căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; Ba là, quan hệ giữa cung lao động và cầu sử dụng lao động. Cho nên, chúng ta cần phải có lời giải cho bài toán, đó là nâng tuổi nghỉ hưu thì học sinh, sinh viên ra trường sẽ làm ở đâu?

Về nguyên tắc, hệ thống pháp luật xây dựng không phải để thực hiện cho trước mắt, mà phải xây dựng cho tương lai và “đi trước đón đầu”. Nếu chúng ta không chuẩn bị thì sẽ dẫn đến áp lực và tạo phản ứng trong xã hội, vì vậy cần phải có lộ trình để tăng tuổi nghỉ hưu. Chính phủ cần tính toán, cân đối, đánh giá tác động việc điều chỉnh tuổi

nghỉ hưu để xin ý kiến Quốc hội. Vấn đề là thời điểm điều chỉnh tuổi nghỉ hưu là khi nào? Đối tượng nào điều chỉnh trước, đối tượng nào điều chỉnh sau? Tăng lên bao nhiêu là hợp lý để có thể ứng phó với tình hình già hóa dân số đang diễn ra mạnh mẽ. Cũng theo ông Bùi Sỹ Lợi, nói nâng tuổi nghỉ hưu để chống đỡ mất cân bằng Quỹ BHXH là không chính xác hoàn toàn. Nó có tác động, nhưng nguyên nhân cơ bản chính là số lượng người đóng so với số lượng người hưởng hiện đang có xu hướng giảm dần. Đây là một nguy cơ. Bản chất của vấn đề là đóng ít, hưởng nhiều, tuổi thọ người lao động lại nâng lên. Bởi vậy, chúng ta phải nghĩ đến nguồn để đảm bảo an sinh xã hội, đảm bảo lương hưu đủ sống.

Tuy nhiên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban về Các vấn đề xã hội của Quốc hội vẫn nhấn mạnh, ngành nghề lao động nặng nhọc, độc hại và lao động trực tiếp, lao

động ở vùng sâu, vùng xa, lao động bị suy giảm khả năng trong quá trình lao động vẫn chưa nên bàn đến việc điều chỉnh. Có chăng, chỉ điều chỉnh một phần nhỏ ở những ngành nghề đã được cải thiện môi trường lao động và điều kiện làm việc, bởi về cơ bản vẫn phải đảm bảo sức khỏe của người lao động.

Thứ trưởng Phạm Minh Huân cho biết thêm, phương án chung là điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của nam và nữ cao hơn so với hiện nay (nam 60, nữ 55). Tuy nhiên, những đối tượng làm ngành nghề nặng nhọc, độc hại thì nghỉ thấp hơn mức trên; những trường hợp đặc biệt trước mắt vẫn giữ nguyên. Các đối tượng như nhà khoa học, quản lý có được kéo dài hơn hay không thì vẫn chưa tính đến. Tăng tuổi nghỉ hưu cần có lộ trình, không phải tăng luôn và tăng đồng bộ. Nếu năm 2017 Quốc hội thông qua phương án này, thì từ năm 2020 sẽ bắt đầu thực hiện, nhằm đảm bảo quá

trình đánh giá tất cả các tác động về việc làm, thị trường lao động, sức khỏe, năng suất lao động cũng như tâm lý của người lao động và doanh nghiệp.

Ông Philip O'Keefe, chuyên gia của Ngân hàng Thế giới cũng đưa ra kiến nghị, Việt Nam cần xem xét các biện pháp đã thực hiện tại nhiều nước trong thời gian gần đây như: tăng dần tuổi nghỉ hưu theo chế độ chính thức đối với cả nam và nữ; mục tiêu cuối cùng là 65 đối với cả hai giới. Tốc độ vừa phải sẽ là mỗi năm tăng thêm 4-6 tháng. Sau khi đã đạt mức này, những lần điều chỉnh tiếp theo sẽ thực hiện tự động gắn với tuổi thọ trung bình khi nghỉ hưu.

Vị chuyên gia của Ngân hàng Thế giới nhận định, tăng tuổi nghỉ hưu sẽ tác động đến vấn đề việc làm, nhưng không hạn chế cơ hội của nhóm lao động trẻ. Việt Nam là đất nước đang phát triển, thị trường lao động sẽ ngày càng được mở rộng, tạo ra nhiều





cơ hội việc làm. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh tuổi nghỉ hưu không phải áp dụng cho mọi lĩnh vực ngành nghề. Đề xuất tăng tuổi nghỉ hưu sẽ phải tính đến việc làm thế nào để vừa sử dụng tốt nhóm người cao tuổi nhưng vẫn phải tạo cơ hội cho lao động trẻ, nhất là nhóm lao động được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao.

Cứu Quỹ BHXH không chỉ có giải pháp tăng tuổi nghỉ hưu

Ngoài việc nâng tuổi nghỉ hưu, theo ông Philipp O'Keefe, Chính phủ cần thực hiện một số biện pháp tại doanh nghiệp nhằm nâng số năm làm việc và làm cho lao động cao tuổi hấp dẫn hơn đối với doanh nghiệp. Một trong số các biện pháp đó là giảm mức lương thâm niên, bởi lẽ trả công theo thâm niên làm cho lao động cao tuổi trở nên kém hấp dẫn và tiền công không gắn với năng suất của người lao động. Nên khuyến

khích họ làm việc theo thời gian linh hoạt và điều chỉnh chỗ làm phù hợp hơn với thể chất lao động cao tuổi. Bên cạnh đó, muốn nâng tỷ lệ tham gia chương trình hưu trí đóng góp trong khu vực phi chính thức thì cần xem xét mở rộng chương trình trợ giá của Nhà nước (Chương trình đồng đóng góp theo mức cố định: Người lao động đóng một phần, Nhà nước hỗ trợ một phần) thì mới có thể “lôi kéo” người lao động trong khu vực này tham gia. Chương trình trợ giá đó cần được thiết kế đơn giản, dễ giải thích cho người lao động trong khu vực phi chính thức. Mức đóng góp đồng hạng hoặc phân lớp một cách đơn giản. Thời hạn chi trả linh hoạt và cơ cấu quyền lợi không phức tạp.

Nếu Việt Nam thực sự nghiêm túc theo đuổi mục tiêu mở rộng diện tham gia hệ thống hưu trí thì cần phải thực hiện cải cách hệ thống theo chiều sâu và

theo chỉ số, làm cho nó trở nên ít tốn kém hơn. Trong kỳ trung hạn, Việt Nam không thể duy trì hệ thống hiện tại mà không cải cách. Chế độ hưu trí chính thống đã đến lúc thực sự cần một đợt cải cách nữa.

Do quy định dễ dãi nên đa số đối tượng hưởng BHXH nghỉ hưu sớm 3- 4 tuổi. Vì vậy, cần giảm mức hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu sớm nhằm giảm bớt sức hấp dẫn tài chính đối với những người muốn nghỉ hưu sớm. Đại diện Ngân hàng Thế giới cũng cho rằng, cần tiếp tục điều chỉnh tỷ lệ hưởng trên mỗi năm đóng góp, trước mắt là hạ xuống mức dưới 2% đối với cả nam và nữ; dần dần giảm tiếp nhằm đạt tỷ lệ 40- 50% đối với toàn bộ thời gian đóng góp. Loại bỏ dần các nghề đặc biệt được hưởng hưu trí và các chế độ đặc biệt, tốt nhất là dừng thực hiện đối với những người mới tham gia ở hầu hết các nghề.■

Đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập: Việc thực hiện vẫn chưa sẵn sàng

 HỒNG NHUNG

Với mục tiêu đổi mới toàn diện, tái cơ cấu các đơn vị sự nghiệp công, đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ theo hướng ban hành một Nghị định khung quy định các vấn đề chung về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã xây dựng và trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Các Bộ quản lý ngành căn cứ vào Nghị định số 16/2015/NĐ-CP để xây dựng và trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong 7 lĩnh vực: y tế; giáo dục đào tạo; dạy nghề; văn hóa thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí; khoa học và công nghệ; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Sự ra đời của Nghị định 16/2015/NĐ-CP được kỳ vọng sẽ thúc đẩy khu vực sự nghiệp công phát triển nhanh, mạnh và bền vững, tăng cường khả năng tự chủ ở mức cao hơn, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội...

Tuy nhiên, trong một cuộc họp báo chuyên đề mới đây, ông Phạm Văn Trường - Vụ trưởng Vụ Tài chính, hành chính sự nghiệp, Bộ Tài chính - cho biết, theo kế hoạch đặt ra trước đó, tới quý IV năm 2015, sẽ có 7 Nghị định về cơ chế tự chủ của từng lĩnh vực được ban hành. Tuy nhiên cho đến nay, khi đã quá hạn gần một năm, mới chỉ có 2

Nghị định ra đời, 4 Nghị định đang trình Chính phủ và 1 Nghị định vẫn chưa được trình.

Lý giải nguyên nhân của sự chậm trễ này, ông Trường cho hay, Nghị định 16/2015/NĐ-CP thay đổi căn bản phương thức tự chủ đầu tư ngân sách với lĩnh vực dịch vụ công, do đó nó dễ gặp nhiều vướng mắc. Việc ban hành các quyết định về danh mục đơn vị sự nghiệp công sử dụng NSNN của từng Bộ, cơ quan Trung ương cũng hoàn thành chưa đồng đều. Bên cạnh đó, một số đơn vị chưa sẵn sàng để tiến tới tự chủ, thậm chí vẫn còn tâm lý trông chờ vào NSNN.

Trước đó, tại cuộc họp của Chính phủ nhằm tìm giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế

tự chủ ở 60.000 đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn quốc, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành cũng bày tỏ nhiều băn khoăn.

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Văn Tùng cho rằng, việc tự chủ dù có đủ văn bản, nghị định nhưng phụ thuộc nhiều vào người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công. Nếu lãnh đạo có tư duy đổi mới, kết nối được với thị trường thì sản phẩm khoa học dễ có "đầu ra", hoạt động đơn vị khởi sắc. Song, cũng có nhiều người muốn bám vào chế độ bao cấp, muốn Nhà nước tiếp tục chi tiền từ ngân sách để hoạt động.

Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Phạm Mạnh Hùng cho biết, Đề án tự chủ các đơn vị sự nghiệp công của ngành giáo dục



có từ lâu, nhưng khó thực hiện vì từ mầm non đến đại học hầu như thuộc khu vực công lập. Bộ đang đẩy mạnh tự chủ giáo dục đại học với mục đích giảm ngân sách, cải thiện chất lượng. Hiện có 14 trường thực hiện tự chủ tài chính, chi phí, nhân sự... theo Đề án thí điểm đến năm 2017. Các trường đang xin kéo dài thêm thời gian thí điểm với điều kiện là phải được tự chủ ở mức cao.

Phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Lê Mạnh Hà khẳng định, việc tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công khó hơn cả đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Theo ông Hà, Bộ Tài chính cần có số liệu thống kê tổng chi, tỷ lệ chi NSNN cho 60.000 đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay. "Nếu hoàn toàn tự chủ được thì đây là một cuộc cách mạng, bớt được chỗ này thì có tiền để bàn đến việc tăng lương. Bởi ăn lương chủ yếu là khối đơn vị sự nghiệp chứ không phải là khối hành chính" - ông Hà nói.

Trong lĩnh vực y tế, vừa qua,

Bộ Y tế công bố lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế từ tháng 8/2016 đến tháng 01/2017. Đây là một trong những giải pháp của ngành nhằm thực hiện đổi mới cơ chế tài chính theo hướng tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế, giảm dần việc cấp NSNN cho các cơ sở y tế và chuyển sang hỗ trợ mức đóng cho người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) nhằm thúc đẩy các cơ sở y tế nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

Tuy nhiên, theo lộ trình này, sau khi giá dịch vụ y tế tăng đối với người bệnh có BHYT, Bộ Y tế cũng sẽ đề xuất tăng giá dịch vụ y tế đối với đối tượng chưa tham gia BHYT. Thời gian tới, Bộ còn tính thêm 3 trong 7 yếu tố cấu thành giá dịch vụ y tế còn lại. Trong khi đó, hiện cả nước còn tới hơn 23,5% dân số chưa tham gia BHYT. Với mức tăng như vậy, nếu người dân không có BHYT thì sẽ gặp khó khăn rất lớn, thậm chí, không ít hộ dân có thể sẽ không chịu nổi gánh nặng giá dịch vụ y tế khi bị tai nạn,

ốm đau.

Thêm vào đó, từ ngày 01/3/2016, liên Bộ Y tế - Tài chính đã điều chỉnh gần 1.900 dịch vụ y tế và chỉ áp dụng đối với bệnh nhân có thẻ BHYT. Giá điều chỉnh lần này mới cộng thêm phụ cấp trực ngày giường và phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật. Sắp tới, đợt điều chỉnh giá sẽ đưa cả chi phí tiền lương của nhân viên y tế vào giá dịch vụ y tế. Do đó, giá dịch vụ y tế sẽ có tác động mạnh đến chỉ số CPI từ nay đến cuối năm. Nói cách khác, nếu lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo cách tính đúng, tính đủ trên diện rộng chưa phù hợp và không đúng thời điểm sẽ là nguyên nhân chính dẫn đến chỉ số lạm phát tăng cao...

Mới đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ đã đề nghị Văn phòng Chính phủ tham mưu cho Thủ tướng sớm thành lập Ban soạn thảo Đề án đổi mới cơ chế quản lý, tài chính, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công để có giải pháp đột phá trong vấn đề này.■

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO KIỂM TOÁN

LTS: Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước là văn bản do Kiểm toán Nhà nước lập và công bố sau mỗi cuộc kiểm toán để đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán. Như vậy, đây là sản phẩm cuối cùng của quá trình kiểm toán nhưng lại thể hiện rõ nhất chất lượng hoạt động kiểm toán và bảo đảm sự tin cậy cho các thông tin tài chính, ngân sách mà cơ quan kiểm toán đưa ra. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán không những đáp ứng nhu cầu tự thân của Kiểm toán Nhà nước mà còn là yêu cầu của các cơ quan quyền lực và kỳ vọng của nhân dân. Với mong muốn góp phần thực hiện tốt mục tiêu này, Đặc san Kiểm toán xin giới thiệu đến bạn đọc chùm bài viết chia sẻ về thực trạng, yêu cầu đặt ra cùng những kỹ năng và phương pháp để xây dựng một báo cáo kiểm toán đạt chất lượng. Đây cũng chính là những tham luận được các kiểm toán viên giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước chia sẻ tại Hội thảo “Nâng cao chất lượng Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước” vừa diễn ra tại Hà Nội.

Chất lượng báo cáo kiểm toán từ góc nhìn của Quốc hội



TS. HOÀNG QUANG HÀM

Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội

Hiến pháp 2013 đã hiến định, Kiểm toán Nhà nước Việt Nam là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Với địa vị pháp lý đó, Kiểm toán Nhà nước (KTNN) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập của đất nước. Kết quả kiểm toán thể hiện trong các báo cáo kiểm toán của KTNN được sử dụng ngày càng nhiều trong quản lý, điều hành, giám sát, phê chuẩn, quyết định những vấn đề tài chính - ngân sách và hoàn thiện chính sách pháp luật. Có thể nói kết quả kiểm toán trong các Báo cáo kiểm toán giúp Quốc hội có thông tin để thực hiện 3 quyền quan trọng đó là: (i) Quyền lập pháp; (ii) quyền giám sát tối cao; (iii) quyền quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Báo cáo kiểm toán là sản phẩm cuối cùng của hoạt động kiểm toán nó thể hiện chất lượng hoạt động kiểm toán của KTNN đồng thời nó cung cấp thông tin để Quốc hội thực hiện 3 quyền quan trọng của mình. Vì vậy nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán không những là yêu cầu tự thân của KTNN mà còn là yêu cầu Quốc hội đặt ra cho KTNN.



Trong thời gian qua, căn cứ Luật KTNN, quy chế phối hợp giữa Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội và KTNN, KTNN đã gửi các báo cáo kiểm toán cho Quốc hội qua Ủy ban Tài chính ngân sách nhằm cung cấp các thông tin để Quốc hội quyết định dự toán, phê chuẩn quyết toán, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước....; Báo cáo kiểm toán cũng cung cấp thông tin để Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu quốc hội giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước trong quá trình Chính phủ, các cơ quan nhà nước, các địa phương quản lý, điều hành các nguồn lực tài chính, tài sản công để phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời những kết quả kiểm toán trong các báo

cáo kiểm toán đánh giá về bất cập của chính sách, pháp luật (bất cập gây khó khăn trong quá trình thực thi hoặc gây lãng phí các nguồn lực công) sẽ là căn cứ để Quốc hội hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài sản công, tài chính và ngân sách nhà nước.

Những hạn chế khiến báo cáo kiểm toán chưa đáp ứng được kỳ vọng

Có thể nói, báo cáo kiểm toán là kênh thông tin, căn cứ rất quan trọng để Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về kinh tế xã hội và tiền tệ, tài chính, ngân sách và thực hiện quyền giám sát tối cao. Tuy nhiên, thông tin trong báo cáo kiểm toán của KTNN vẫn chưa thực sự đáp ứng được kỳ vọng và yêu cầu của Quốc hội, đại biểu Quốc hội.

Thứ nhất, nhiều báo cáo kiểm toán chưa tập trung vào đánh giá, kết luận và đưa ra kiến nghị về hệ thống chính sách, pháp luật hiện hành đặc biệt là những bất cập và kiến nghị hoàn thiện những bất cập đó; nhiều báo cáo kiểm toán chưa tập trung đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính, tài sản công. Hạn chế này xuất phát từ những lý do cơ bản sau:

Một là, tính khái quát của báo



cáo kiểm toán chưa cao, nhiều báo cáo kiểm toán có kết quả kiểm toán sâu sắc nhưng thể hiện mang tính đơn lẻ chưa phân tích, tổng hợp được để đánh giá và kiến nghị về chính sách;

Hai là, mục tiêu của nhiều cuộc kiểm toán chưa đề cập rõ nét, cụ thể đến việc đánh giá, kết luận, kiến nghị về chính sách, pháp luật còn nặng về kiểm toán tuân thủ, kiểm toán tài chính; các cuộc kiểm toán chuyên đề, kiểm toán hoạt động chưa nhiều và chủ đề còn nhỏ, lẻ, phạm vi hẹp. Chúng ta kiểm toán 4 huyện ở địa phương thì không thể tổng kết được quyết toán ngân sách của một tỉnh. Vấn đề này đã thể hiện trong kế hoạch kiểm toán rất nhiều năm. Vừa rồi, khi thẩm tra kế hoạch kiểm toán của KTNN, hy vọng của chúng tôi cũng rất đơn giản: Giả sử, nếu

KTNN thực hiện 14 cuộc kiểm toán BOT thì có thể đưa về một chuyên đề BOT để chúng ta đánh giá và có một đề cương xuyên suốt, xác định trọng tâm và đưa thêm một số cơ chế, chính sách. Tại sao hình thức này chỉ đưa ra một cơ chế, nếu là BOT thì Nhà nước chỉ bỏ tiền thẩm định dự án, phê duyệt thiết kế, còn lại là đấu thầu rộng rãi thì không thể đẩy giá cao lên được. Những vấn đề đó nếu làm bằng chuyên đề nhỏ lẻ thì không thể khát quát được chính sách. Hay vấn đề nóng nhất hiện nay là tình hình nợ công. Đây không chỉ là vấn đề Quốc hội, Chính phủ lo ngại mà cử tri cũng đang lo ngại. Làm cách nào để đánh giá trần nợ công ở mức hợp lý, vay mức nào, trả mức nào, có tiếp tục vay nữa không, vay theo kênh nào... Quốc hội cần rất nhiều thông tin,

nếu những thông tin đó có được trong BCKT thì rất tốt.

Thứ hai, hầu như không có các báo cáo kiểm toán tiền kiểm (kiểm toán dự toán, kiểm toán chủ trương đầu tư các công trình quan trọng quốc gia...); các ý kiến tham gia về các kế hoạch trung hạn (kế hoạch tài chính trung hạn; kế hoạch vay, trả nợ; kế hoạch đầu tư công...) chất lượng còn khiêm tốn nên thông tin cung cấp cho Quốc hội quyết định về các vấn đề quan trọng của quốc gia còn bất cập. Hạn chế này xuất phát từ lý do cơ bản là năng lực chuyên sâu của đội ngũ kiểm toán viên còn bất cập; KTNN chưa có hướng dẫn kiểm toán để thực hiện các cuộc kiểm toán tiền kiểm, hướng dẫn phương pháp phân tích tổng hợp để tham gia ý kiến vào các kế hoạch tài chính trung hạn, các

báo cáo tài chính nhà nước,... và còn những trở ngại nhất định về mặt pháp lý để KTNN có đủ thông tin một cách kịp thời nhằm thực hiện tốt các công việc này.

Thứ ba, các báo cáo quyết toán ngân sách của các bộ, ngành, các địa phương chưa được kiểm toán thường niên một cách đầy đủ theo quy định của Luật NSNN và chiến lược phát triển KTNN để cung cấp thông tin cho HĐND và Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước. Bất cập này chủ yếu là do KTNN còn thiếu lực lượng và chưa đổi mới trong phương pháp kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước để thực hiện kiểm toán thường niên các bộ, ngành, địa phương.

Thứ tư, các báo cáo kiểm toán cung cấp đơn lẻ theo từng cuộc kiểm toán trong điều kiện tính khái quát của nhiều báo cáo kiểm toán chưa cao và đại biểu quốc hội chuyên sâu theo nhiều lĩnh vực, tỷ lệ đại biểu kiêm nhiệm lớn nên việc sử dụng kết quả kiểm toán trong các báo cáo kiểm toán của Quốc hội, đại biểu Quốc hội còn hạn chế. Để khắc phục được hạn chế này, KTNN cần đổi mới phương thức cung cấp thông tin về kết quả kiểm toán cho Quốc hội.

Các giải pháp cần thực hiện để nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán

Để nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động, vị thế của KTNN và đáp ứng được yêu cầu cũng như kỳ vọng của Quốc hội, KTNN cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

Một là, hoàn thiện việc lập,

phát hành báo cáo kiểm toán để nâng cao tính khái quát của báo cáo kiểm toán; tập trung nhân lực để đánh giá cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, tài sản công để có tư liệu nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán.

Hai là, đổi mới khâu kế hoạch kiểm toán (kế hoạch kiểm toán năm, kế hoạch kiểm toán của từng cuộc kiểm toán) để tập trung kiểm toán các vấn đề quan trọng mà dư luận xã hội quan tâm, Quốc hội cần giám sát; đẩy mạnh kiểm toán chuyên đề, kiểm toán hoạt động, tiền kiểm (kiểm toán dự toán; kiểm toán chủ trương đầu tư các công trình quan trọng quốc gia); tham gia ý kiến có chất lượng vào các kế hoạch tài chính trung hạn, các báo cáo tài chính nhà nước. Chẳng hạn, trong các dự án tại Sơn La, dự án tại sông Hồng, chúng ta cần phải có ý kiến của chuyên gia kiểm toán để tư vấn cho Quốc hội, tư vấn cho thành phố Hà Nội, tránh sự lãng phí có thể xảy ra.

Ba là, đổi mới chế độ thông tin kết quả kiểm toán cho Quốc hội. Chúng tôi luôn mong muốn có một báo cáo tóm tắt. Bởi lẽ, bản thân tôi là người có 20 năm làm kiểm toán viên, học tài chính, ra trường chỉ làm tài chính ngân sách, thế nhưng cũng không có thời gian để đọc một báo cáo đầy đủ. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng hy vọng có được những thông tin nổi cộm, xuyên suốt trong hoạt động kiểm toán để tập hợp thành những báo cáo chuyên đề. Như thế, những ý kiến đó sẽ dễ đến được với Quốc hội, dễ được truyền tải tới nhân

dân và cử tri.

Bốn là, nâng cao năng lực đội ngũ kiểm toán viên cả về số lượng và chất lượng. Đây là vấn đề quan trọng quyết định đến chất lượng kiểm toán và chất lượng báo cáo kiểm toán. Đội ngũ kiểm toán viên cần phải đủ năng lực, trình độ, có kiến thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá chính sách kinh tế vĩ mô; phân tích, đánh giá chính sách, nhất là chính sách tài khóa, tiền tệ; phân tích và dự báo tài chính - ngân sách để nâng cao chất lượng kiểm tra, phân tích, đánh giá dự toán NSNN giúp Quốc hội có nguồn thông tin tin cậy, độc lập, khách quan để quyết định dự toán NSNN, phân bổ NSTW. Đồng thời kiểm toán viên cũng cần phải có khả năng để kiểm toán và đưa ra những cảnh báo, đánh giá độ bền vững của các tập đoàn kinh tế, các DNNN, các ngân hàng và các tổ chức tài chính....

Năm là, hoàn thiện hướng dẫn các loại hình kiểm toán (kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tài chính); tiếp thu áp dụng những phương pháp kiểm toán mới, tăng cường ứng dụng rộng rãi phương pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại và tin học hóa trong hoạt động kiểm toán để nâng cao chất lượng kiểm toán nhằm mục tiêu phân tích, đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội trong sử dụng nguồn lực công nhằm đưa ra những thông tin tin cậy, thích hợp, kịp thời và có chất lượng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách của nhà nước và công tác quản trị ở các đơn vị công.■

Lập báo cáo kiểm toán - quy định và bài học kinh nghiệm



THS. NGÔ MINH KIỂM

Phó Vụ trưởng phụ trách, Vụ Chế độ và kiểm soát chất lượng kiểm toán

Quy định về báo cáo kiểm toán của KTNN Việt Nam

Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015 khẳng định: Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) là văn bản do KTNN lập và công bố sau mỗi cuộc kiểm toán để đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán. Báo cáo kiểm toán của KTNN do Tổng Kiểm toán Nhà nước hoặc người được Tổng Kiểm toán Nhà nước ủy quyền ký tên, đóng dấu.

Giá trị pháp lý của báo cáo kiểm toán: Báo cáo kiểm toán của KTNN sau khi phát hành và công khai có giá trị bắt buộc phải thực hiện đối với đơn vị được kiểm toán về sai phạm trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công. Báo cáo kiểm toán của KTNN là căn cứ để Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước sử dụng trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, cụ thể như sau:

►► Quốc hội sử dụng trong quá trình xem xét, quyết định và giám sát việc thực hiện: mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của đất nước; chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; chính sách

cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

►► Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cơ quan khác của Nhà nước sử dụng trong công tác quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

►► Hội đồng nhân dân sử dụng trong quá trình xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

►► Đối với đơn vị được kiểm toán, báo cáo kiểm toán có giá trị bắt buộc thực hiện: “Báo cáo kiểm toán của KTNN sau khi phát hành và công khai có giá trị bắt buộc phải thực hiện đối với đơn vị được kiểm toán về sai phạm trong việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công”.

Vấn đề lập và gửi báo cáo kiểm toán:

►► Chậm nhất là 30 ngày, kể từ

ngày kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán, KTNN có trách nhiệm hoàn thiện dự thảo báo cáo kiểm toán và gửi lấy ý kiến của đơn vị được kiểm toán.

►► Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo kiểm toán, đơn vị được kiểm toán phải có ý kiến bằng văn bản gửi KTNN; quá thời hạn trên, đơn vị được kiểm toán không có ý kiến thì được coi là đã nhất trí với dự thảo báo cáo kiểm toán.

►► Báo cáo kiểm toán được KTNN gửi cho đơn vị được kiểm toán và cơ quan có liên quan theo quy định của Tổng Kiểm toán Nhà nước chậm nhất là 45 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán; trường hợp đặc biệt thì có thể kéo dài, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán.

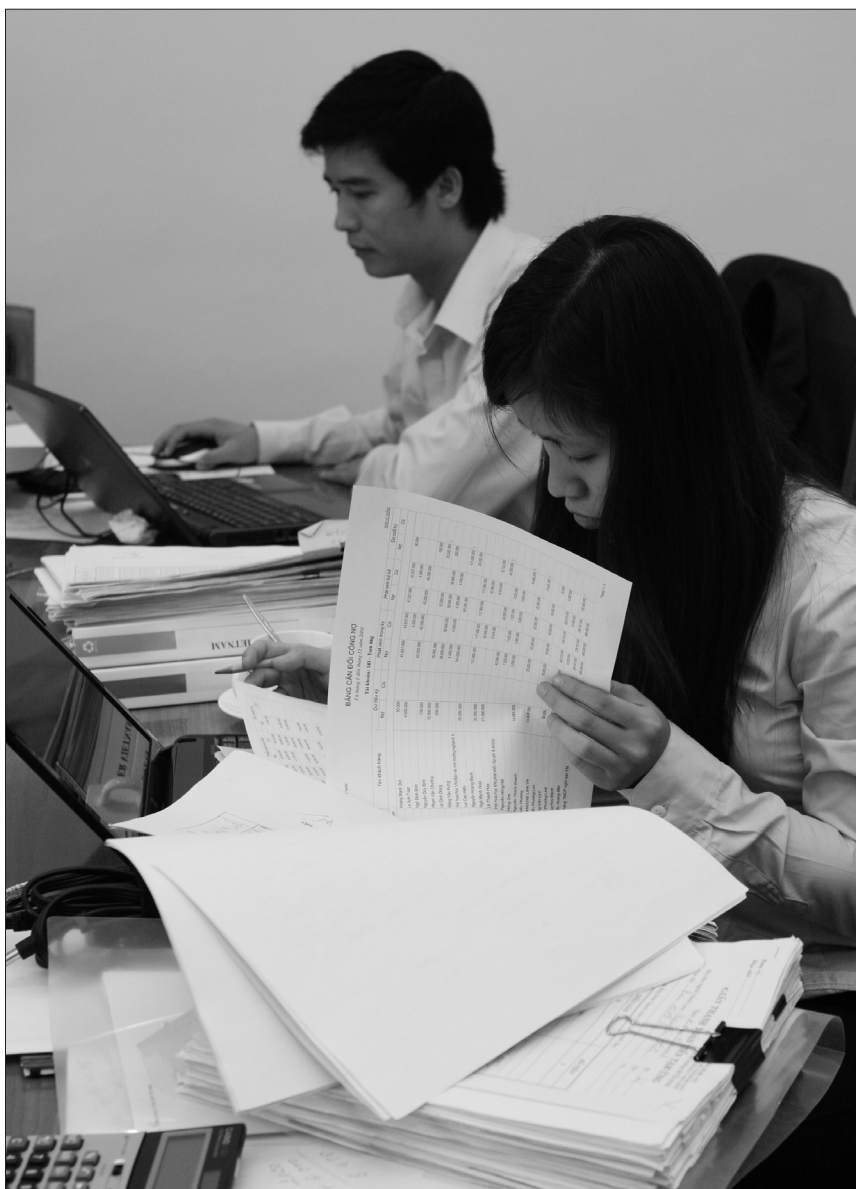
KTNN phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung báo cáo kiểm toán. Trách nhiệm này được quy định theo thứ bậc từ thấp đến cao, từ trách nhiệm của kiểm toán viên nhà nước: “*Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những bằng chứng, đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán*”; trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán: “*chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của*

những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán”; trách nhiệm của Trưởng Đoàn kiểm toán: “Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán” đến trách nhiệm của Tổng Kiểm toán Nhà nước: “Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung báo cáo kiểm toán của KTNN”.

Quy trình lập và gửi báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán

Công tác lập và gửi báo cáo kiểm toán gồm các công việc: Lập báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán; Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán xét duyệt dự thảo báo cáo kiểm toán; Lãnh đạo KTNN xét duyệt dự thảo báo cáo kiểm toán; KTNN chuyên ngành, khu vực hoàn thiện dự thảo báo cáo kiểm toán, lấy ý kiến tham gia của đơn vị được kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán; Phát hành báo cáo kiểm toán. Cụ thể:

- ▶▶ Việc lập Dự thảo báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán được thực hiện theo các bước sau: (1) tập hợp kết quả, bằng chứng kiểm toán; (2) kiểm tra, phân loại và tổng hợp kết quả kiểm toán; (3) lập dự thảo Báo cáo kiểm toán; (4) thảo luận, lấy ý kiến thành viên Đoàn kiểm toán.
- ▶▶ Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán tổ chức xét duyệt dự thảo Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán thông qua việc thẩm định dự thảo Báo cáo kiểm toán và tổ chức họp xét duyệt dự thảo Báo cáo kiểm toán của



Đoàn kiểm toán.

- ▶▶ Lãnh đạo KTNN xét duyệt dự thảo Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán thông qua việc thẩm định của các đơn vị tham mưu, chức năng và tổ chức họp xét duyệt dự thảo Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán.
- ▶▶ Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán chỉ đạo Trưởng đoàn KTNN hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo kiểm toán theo ý kiến kết luận của lãnh đạo KTNN hoặc người được Tổng Kiểm toán Nhà nước ủy quyền tại cuộc họp xét duyệt dự thảo Báo

cáo kiểm toán. Sau khi nhận được ý kiến của đơn vị, thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán chỉ đạo Trưởng đoàn KTNN đề xuất ý kiến xử lý trình Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, quyết định.

- ▶▶ Trưởng đoàn KTNN tổ chức thông báo kết quả kiểm toán đã được lãnh đạo KTNN xét duyệt với đơn vị. Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán chỉ đạo Trưởng đoàn hoàn thiện dự thảo báo cáo kiểm toán theo ý kiến kết luận của lãnh đạo KTNN hoặc người được Tổng Kiểm

toán Nhà nước ủy quyền tại hội nghị thông báo kết quả kiểm toán với đơn vị.

►► Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình lãnh đạo KTNN Báo cáo kiểm toán đã hoàn chỉnh (qua Vụ Tổng hợp). Vụ Tổng hợp rà soát, kiểm tra và đảm bảo về nội dung, các thủ tục, trình tự lập Báo cáo kiểm toán đúng quy định; soạn thảo công văn gửi Báo cáo kiểm toán trình lãnh đạo KTNN ký phát hành.

Về mẫu biểu báo cáo kiểm toán

Hiện nay KTNN Việt Nam xây dựng mẫu Báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán theo từng lĩnh vực: Kiểm toán ngân sách bộ ngành; Kiểm toán ngân sách địa phương; Kiểm toán doanh nghiệp, tổ chức ngân hàng; Kiểm toán dự án đầu tư; Kiểm toán chương trình mục tiêu quốc gia;...

Kết cấu của báo cáo: Ngoài phần tiêu đề, nội dung, phạm vi, căn cứ, Báo cáo gồm:

►► Phần thứ 1- Kết quả kiểm toán: cần được trình bày ngắn gọn, súc tích; tập trung vào những kết quả kiểm toán thực sự nổi bật theo các nội dung kiểm toán và mục tiêu kiểm toán. Số liệu tài chính thể hiện chủ yếu ở các phụ biểu. Tên các mục và chỉ tiêu trong các bảng, biểu, phụ biểu có thể thay đổi phù hợp với đối tượng kiểm toán và chế độ tài chính, kế toán hiện hành. Ngoài các phụ biểu quy định tại mẫu biểu, Đoàn kiểm toán có thể bổ sung một số phụ biểu khác. Cuối mỗi mục kết luận khái quát, ngắn gọn đối với nội dung được kiểm toán làm cơ sở cho kiến nghị.

►► Phần thứ 2- Kiến nghị kiểm toán: Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán; Kiến nghị về xử lý tài chính; Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; Kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan; Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước.

Một số bài học kinh nghiệm trong công tác lập báo cáo kiểm toán

Để nâng cao chất lượng công tác lập báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán, chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, cần phải xây dựng quy trình kiểm toán đối với các lĩnh vực đã thực hiện kiểm toán mang tính thường xuyên, ổn định (kiểm toán ngân sách, kiểm toán doanh nghiệp, kiểm toán dự án đầu tư,...), còn đối với các cuộc kiểm toán mới cần phải xây dựng đề cương kiểm toán trước khi triển khai thực hiện (kiểm toán các chuyên đề, ...), xác định rõ trọng tâm kiểm toán để các tổ kiểm toán tập trung kiểm toán các nội dung đã được xác định trong đề cương kiểm toán.

Thứ hai, các đoàn kiểm toán của KTNN Việt Nam thường thực hiện các cuộc kiểm toán rất lớn, gồm nhiều tổ kiểm toán, vì vậy để đảm bảo tính thống nhất về các nội dung đánh giá, các đoàn kiểm toán trước khi tiến hành kiểm toán, trên cơ sở mẫu biểu chung của ngành, cần cụ thể hóa các nội dung đánh giá trong báo cáo kiểm toán của đoàn và tại các biên bản kiểm toán của các tổ kiểm toán. Có như vậy

mới thuận lợi cho công tác tổng hợp lập báo cáo kiểm toán và không bị thiếu ý.

Thứ ba, cần tăng cường đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng, bao gồm cả mẫu biểu báo cáo kiểm toán và kỹ năng lập báo cáo kiểm toán cho các kiểm toán viên nhà nước.

Thứ tư, nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ, công chức, kiểm toán viên của KTNN trong quá trình thực hiện kiểm toán vì báo cáo kiểm toán là kết quả tổng hợp của tất cả các giai đoạn thuộc quy trình kiểm toán: chuẩn bị kiểm toán; thực hiện kiểm toán; lập và gửi báo cáo kiểm toán; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN.

Thứ năm, đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán nói chung và kiểm soát báo cáo kiểm toán nói riêng, đặc biệt là vai trò kiểm soát của Kiểm toán trưởng, Tổ trưởng và Trưởng đoàn kiểm toán để đảm bảo tính thống nhất trong xử lý, trong chỉ đạo đối với các nội dung trọng tâm, bảo đảm cho các kết luận kiến nghị kiểm toán có đầy đủ bằng chứng.

Thứ sáu, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, lập báo cáo kiểm toán (phần mềm lập báo cáo kiểm toán doanh nghiệp,...).

Thứ bảy, trưởng đoàn kiểm toán cần chủ động xây dựng dự thảo báo cáo song song cùng với quá trình kiểm toán để đảm bảo rút ngắn thời gian lập báo cáo, đồng thời có điều kiện chỉ đạo kịp thời các nội dung cần tập trung làm rõ, hoặc còn đang thiếu bằng chứng.■

Xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm - những vấn đề cần hoàn thiện

 **TS. LÊ HOÀI NAM** - Vụ Tổng hợp, Kiểm toán Nhà nước

Sau hơn 22 năm hoạt động, với tư cách là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kiểm tra tài chính nhà nước do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, Kiểm toán Nhà nước (KTNN) đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập của đất nước. Kết quả kiểm toán của KTNN được sử dụng ngày càng nhiều trong quản lý, điều hành, giám sát, phê chuẩn, quyết định những vấn đề tài chính - ngân sách và hoàn thiện chính sách pháp luật. Đặc biệt, trong những năm gần đây, Báo cáo kiểm toán năm (nay là Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm) của KTNN luôn được các Đại biểu Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và dư luận xã hội đánh giá cao.

Cùng với xu hướng đổi mới trong hoạt động kiểm toán và đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong Luật KTNN năm 2015, hàng năm Tổng Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm “Trình bày báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm, báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp, báo cáo trước Ủy ban thường vụ Quốc hội; trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội trước Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội”. Ngoài ra, KTNN cũng có trách nhiệm gửi Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm cho Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội và tổ

chức hợp báo công bố công khai sau khi báo cáo Quốc hội. Đây vừa là một cơ hội khẳng định vai trò, địa vị pháp lý của KTNN như một công cụ hữu hiệu của Nhà nước trong kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức đối với KTNN trong việc nâng cao hơn nữa chất lượng của hoạt động kiểm toán nói chung và Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm nói riêng.

Nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm

Theo quy định tại Điều 48, Luật KTNN năm 2015, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm

của KTNN được lập trên cơ sở Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước và tổng hợp kết quả kiểm toán trong năm của KTNN. Như vậy, về bản chất Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm là một báo cáo tổng hợp của khoảng 200 báo cáo kiểm toán được KTNN tổ chức thực hiện trong một năm với nhiều qui mô và loại hình (nội dung) kiểm toán khác nhau, gồm: Báo cáo kiểm toán của khoảng 15 bộ, cơ quan trung ương; 50 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 45 dự án đầu tư, 20 tổng công ty, tập đoàn kinh tế, 10 ngân hàng thương mại cổ phần hoặc tổ chức tài chính, 35 chuyên đề hoặc chủ đề

kiểm toán hoạt động; 25 đầu mỗi, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Đảng và Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



Bên cạnh đó, theo quy định của Luật KTNN, đối tượng kiểm toán của KTNN là việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của đơn vị được kiểm toán nên các kết quả kiểm toán liên quan đến nhiều đơn vị và loại hình hoạt động khác nhau. Đặc biệt là đối với lĩnh vực NSNN, kết quả và phát hiện kiểm toán rất đa dạng, từ các phát hiện kiểm toán liên quan đến lập, giao dự toán thu NSNN, chi đầu tư và chi thường xuyên; chấp hành chi NSNN (Chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi chuyển nguồn; sử dụng nguồn tăng thu NSNN và tiết kiệm chi NSTW; cho vay, tạm ứng và ứng trước dự toán; quản lý, sử dụng các quỹ ngoài ngân sách; mua sắm, quản lý, sử dụng

tài sản; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính) đến công tác kế toán, quyết toán NSNN... Do đó, công tác tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm có khối lượng công việc rất lớn, đòi hỏi nhiều thời gian và nhân lực thực hiện.

Với các nội dung đặt ra như trên, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm đang được xây dựng dựa trên một số nguyên tắc và yêu cầu sau:

Một là, đảm bảo tính độc lập, khách quan và trung thực trong tổng hợp kết quả kiểm toán.

Hai là, đảm bảo cung cấp kịp thời Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm của KTNN cho Đại biểu Quốc hội trước khi Quốc hội họp phê chuẩn Báo cáo Quyết toán NSNN.

Ba là, phản ánh toàn diện các kết quả kiểm toán của KTNN qua một năm kiểm toán, đặc biệt là kết quả xử lý tài chính.

Bốn là, phản ánh các kết quả kiểm toán điểm nổi bật (trọng yếu) về công tác quản lý, điều hành ngân sách của Chính phủ, các Bộ cơ quan trung ương và địa phương.

Năm là, phản ánh ý kiến của KTNN về tính trung thực, hợp pháp của Báo cáo quyết toán NSNN.

Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm: kết quả đạt được và những vấn đề cần hoàn thiện

Một số kết quả đạt được

(i) Về cơ bản, các báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm đã phản ánh được toàn diện kết quả kiểm toán của KTNN trong các lĩnh vực được kiểm toán và xuyên suốt quy trình quản lý

NSNN từ khâu lập, giao dự toán đến hạch toán kế toán và quyết toán NSNN; nội dung báo cáo đi sâu vào các vấn đề quản lý, điều hành NSNN lớn được dư luận xã hội quan tâm như: Quản lý, sử dụng nợ công; bội chi NSNN và kết dư NSDP; cho vay, tạm ứng và ứng trước dự toán; nợ đọng XDCB; quản lý, sử dụng quỹ ngoài ngân sách... Các báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm luôn được các cơ quan truyền thông sử dụng, trích dẫn và đánh giá cao.

(ii) Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm luôn được lập đầy đủ, đúng hạn; cung cấp kịp thời thông tin cho các Đại biểu Quốc hội trước phiên họp phê chuẩn Báo cáo quyết toán NSNN.

(iii) Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm có rất ít các sai sót lớn cả số liệu xử lý tài chính và các nhận xét, đánh giá đối với công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

(iv) Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm của KTNN hàng năm đều được tổ chức công khai rộng rãi bằng hình thức họp báo, góp phần không nhỏ nâng cao vai trò, địa vị pháp lý của KTNN.

(v) Trong những năm gần đây, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm luôn được trình bày kết hợp giữa Báo cáo đầy đủ (khoảng 220 trang, gồm 60-70 trang phần lời và 150-160 trang phụ biểu) và Báo cáo tóm tắt (khoảng 12 trang A4), trong đó: Báo cáo đầy đủ trình bày chi tiết và toàn diện các phát hiện kiểm toán của KTNN, chỉ rõ đối tượng chịu trách nhiệm về các

sai phạm, thuận tiện cho công tác theo dõi, rà soát, kiểm tra, đối chiếu; Báo cáo tóm tắt tập trung vào các vấn đề lớn, trọng yếu và các điểm nổi bật trong quản lý, điều hành NSNN, tạo thuận lợi cho việc nắm bắt thông tin tổng quát và toàn diện về hoạt động kiểm toán.

Một số vấn đề cần tiếp tục trao đổi thảo luận

Qua thực tế tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm trong các năm gần đây cho thấy một số vấn đề sau:

(i) Về tổ chức công tác tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm của KTNN: Hiện nay, công tác tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm chủ yếu do Vụ Tổng hợp, KTNN thực hiện. Việc tham gia của các đối tượng bên ngoài vào hoạt động tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm rất hạn chế nên chưa phát huy được sức mạnh của toàn hệ thống các đơn vị trong KTNN. Hơn nữa, song song với việc tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm, trong các năm vừa qua, Vụ Tổng hợp cũng được Tổng KTNN giao chủ trì phối hợp với một số đơn vị trong ngành (trung tâm một số công chức kiểm toán có kinh nghiệm) để tổ chức kiểm toán, lập, phát hành Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN tại Bộ Tài chính và bộ Kế hoạch và Đầu tư, làm cơ sở lập Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN nên phần nào hạn chế thời gian, nhân lực phục vụ công tác tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho

thấy Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Báo cáo quyết toán NSNN là bộ phận khó có thể tách rời của Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm cả về nội dung và thời điểm lập. Về mặt nội dung, Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ sở để lập Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN; tiếp theo đó, Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN là một bộ phận quan trọng của Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm.

Về mặt thời gian: Do đặc thù quy trình quản lý NSNN 18 tháng hiện nay, việc kiểm toán, phát hành Báo cáo quyết toán NSNN tại Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tổng hợp, lập Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm gần như thực hiện song song, đồng thời với công tác tổng hợp, lập Báo cáo quyết toán NSNN của Bộ Tài chính. Do đó, việc tổ chức hiệu quả bộ máy tổng hợp, lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm vẫn là một thách thức không nhỏ đối với KTNN.

(ii) Về nội dung và cách thức trình bày Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm: Hiện nay, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm đang được trình bày theo cách truyền thống (diễn giải các kết quả kiểm toán), rất ít sử dụng các biểu đồ, hình vẽ minh họa; không có nhiều các phân tích, đánh giá số liệu qua nhiều năm; một số nội dung trong Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm còn dàn trải, thiếu khái quát.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm của KTNN luôn phải bám sát các nội dung, kết cấu, hình thức trình bày của các báo cáo kiểm toán của KTNN và Báo cáo quyết toán NSNN của Chính phủ nên việc tổng hợp theo các biểu đồ, bảng biểu cũng có các hạn chế nhất định. Hơn nữa, Báo cáo tóm tắt (khoảng 12 trang A4) Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm đã hạn chế tương đối các nội dung dàn trải để tập trung vào các nội dung, kết quả kiểm toán trọng yếu.

(iii) Nâng cao chất lượng thông tin trong Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm: Một số ý kiến cho rằng, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm của KTNN chưa tập trung hoặc bỏ sót các vấn đề lớn, trọng yếu trong quản lý, điều hành ngân sách nhà nước; thiếu tính thời sự, không phản ánh kịp thời các vấn đề phát sinh.

Thực tế, Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm được tổng hợp từ các báo cáo kiểm toán của KTNN nên có độ trễ nhất định (khoảng 1,5 năm) so với thời điểm phát sinh các vấn đề, tồn tại, hạn chế nêu ra. Hơn nữa, do được tổng hợp từ các báo cáo kiểm toán nên các vấn đề nêu trong Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm phụ thuộc rất nhiều vào các phát hiện, kết luận và kiến nghị tại từng Báo cáo kiểm toán. Do đó, cần có sự chỉ đạo thống nhất, trong hoạt động kiểm toán ngay từ khâu kế hoạch kiểm toán, đến tổ chức thực hiện, tổng hợp và lập Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán. ■

Xây dựng báo cáo kiểm toán vừa là kỹ năng, vừa là nghệ thuật

TS. Jose Oyola - người đã từng làm việc 20 năm ở Văn phòng Tổng Kiểm toán Hoa Kỳ đã chia sẻ với các kiểm toán viên KTNN về kỹ năng viết báo cáo kiểm toán nói riêng và kinh nghiệm kiểm toán nói chung.

Minh họa bằng biểu đồ, bảng biểu thay cho ngôn ngữ

Theo tôi thấy, mô hình ngân sách cấp dưới lồng vào ngân sách cấp trên của Việt Nam giống như búp bê Matryoska ở Nga. Do tính chất lồng ghép như vậy, việc trình bày báo cáo năm của KTNN cũng rất phức tạp vì đó là sự tổng hợp kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách và các cuộc kiểm toán trong năm. Tôi cho rằng, thay vì việc dùng hoàn toàn ngôn ngữ, KTNN có thể sử dụng bảng biểu, biểu đồ để minh họa các con số, giúp người đọc dễ dàng hiểu rõ thông tin trong báo cáo kiểm toán.

Hình thức báo cáo kiểm toán rất quan trọng, bởi vậy, KTNN Việt Nam cần cải thiện và nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán theo Hệ thống chuẩn mực kiểm toán của các cơ quan kiểm toán tối cao (ISSAIs). Để có báo cáo kiểm toán tốt, trước hết phải có kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán tốt. Trong đó, việc viết báo cáo kiểm toán không phải là khoa học tính toán mà nó vừa là kỹ năng, vừa là nghệ thuật. Chính vì thế, kiểm toán viên phải rèn luyện kỹ năng này. Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán của KTNN nên mở các khóa đào tạo hoặc môn học về cách viết báo cáo kiểm toán cho kiểm toán viên.

KTNN nên trình bày thông tin về dân số trong báo cáo năm dưới dạng biểu đồ hình tròn như chia thành nhóm địa bàn đông dân và mật độ dân số cao hay nhóm địa phương có cùng điều kiện, bối cảnh... Nhìn vào biểu đồ, người đọc sẽ dễ dàng nhận thấy kết quả kiểm toán nổi bật. Tương tự, với báo cáo kiểm toán thu ngân sách, khi sử dụng biểu đồ, người đọc sẽ dễ hình dung bức tranh về tình hình thu ngân sách trên toàn quốc; tỉnh, thành nào

chiếm gần 80% tổng thu ngân sách trong khi tỷ lệ dân số lại thấp... Ngoài ra, qua biểu đồ, cơ quan kiểm toán còn có thể giúp người đọc so sánh số liệu của từng giai đoạn khác nhau và xu hướng ngân sách trong tương lai một cách dễ dàng hơn so với việc đọc số liệu. Như vậy, việc sử dụng biểu đồ không chỉ giúp cơ quan kiểm toán thể hiện kết quả kiểm toán tốt hơn mà còn giúp việc xây dựng kế hoạch kiểm toán, xác định nội dung kiểm toán mang tính trọng yếu.

Để sử dụng biểu đồ, bảng biểu, kiểm toán viên có thể sử dụng phần mềm Excel, đồng thời, KTNN có thể xây dựng đội ngũ chuyên gia về đồ họa để trình bày những thông tin này. Biểu đồ, bảng biểu vừa có thể sử dụng khi xây dựng kế hoạch kiểm toán vừa sử dụng khi viết báo cáo kiểm toán. Các kiểm toán viên hãy bắt đầu từ bước đầu tiên là sử dụng biểu đồ để góp phần cải thiện chất lượng báo cáo kiểm toán.

Có 6 yêu cầu, kỹ năng quan trọng trong mọi loại hình báo cáo (báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, tuân thủ và hoạt động), đó là:

(1) Báo cáo kiểm toán phải trả lời được câu hỏi tại sao cơ quan kiểm toán lại chọn chủ đề này để kiểm toán;

(2) Tóm tắt bối cảnh chung về đối tượng kiểm toán;

(3) Mục tiêu, phạm vi, phương pháp luận của cuộc kiểm toán (đây là nội dung quan trọng, thiết yếu nhất của báo cáo kiểm toán);

(4) Phát hiện kiểm toán;

(5) Kiến nghị kiểm toán: phải có bằng chứng, nhưng không bắt buộc cuộc kiểm toán nào cơ quan kiểm toán cũng phải đưa ra kiến nghị, điều quan trọng là cung cấp đầy đủ thông tin hữu ích, đáng tin

cậy và phân tích tình hình để cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định. Báo cáo này cần khẳng định rõ do cơ quan kiểm toán không có đủ thời gian thu thập chứng cứ để xây dựng kiến nghị;

(6) Ý kiến của đơn vị kiểm toán.

Khi viết báo cáo kiểm toán, các kiểm toán viên cần đặc biệt chú trọng câu mở đầu của báo cáo. Câu này phải thu hút sự chú ý của người đọc, để người đọc cảm thấy đây là báo cáo hấp dẫn, có nhiều thông tin cần đọc kỹ và sẽ quyết định đọc hết báo cáo (tiếng Anh dùng từ “lưỡi câu” hay “mồi” để nói về sự mở đầu phải thu hút người đọc).

Bên cạnh đó, kiểm toán viên cần viết báo cáo kiểm toán cô đọng, súc tích nhưng đầy đủ thông tin. Ở các nước, báo cáo kiểm toán đều có lời nói đầu hay thông điệp của Tổng kiểm toán. Đây là nội dung chủ chốt của báo cáo, đề cập đến những nội dung chính về cuộc kiểm toán và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan kiểm toán trước Quốc hội.

Mỗi cuộc kiểm toán chỉ nên áp dụng một loại hình kiểm toán

Theo nhìn nhận của tôi, phạm vi một cuộc kiểm toán của KTTN Việt Nam thường quá rộng, kết hợp nhiều loại hình kiểm toán, báo cáo kiểm toán dài, chưa có mục lục, nhiều ghi chú ở chân trang. Đối với các cuộc kiểm toán có phạm vi rộng, kiểm toán viên Việt Nam nên chú trọng kỹ năng chọn mẫu. Việc chọn mẫu phải có ý nghĩa thống kê, mang tính đại diện để có thể ngoại suy và cho kết quả khái quát.

Chuẩn mực kiểm toán quốc tế đã chỉ rõ, mỗi loại hình kiểm toán (kiểm toán báo cáo tài chính, tuân thủ và hoạt động) có đặc thù, yêu cầu, kỹ năng và mục đích khác nhau. Vì vậy, một cuộc kiểm toán chỉ nên áp dụng một loại hình kiểm toán. Nếu kết hợp nhiều loại hình kiểm toán thì sẽ khó thực hiện và làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc kiểm toán.

Tôi muốn phác họa hình ảnh 3 người đàn ông để so sánh với 3 loại hình kiểm toán. Với kiểm toán báo cáo tài chính, theo cách nhìn của tôi thì đó là người đàn ông quá nhỏ bé bên cạnh những chồng hồ sơ cao ngất. Còn với kiểm toán hoạt động, người đàn ông này trông giống như một thiên thần, vì giúp đơn vị kiểm toán cải thiện hiệu quả hoạt động, luôn tạo ra không khí hợp tác với đơn vị kiểm toán. Trong khi đó, biểu tượng của kiểm toán tuân thủ là hình ảnh người đàn ông mặt sắt đen sì, đeo kính đen, lăm lăm soi xét xem đơn vị vi phạm quy định nào.

Yêu cầu, mục đích của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính là đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của đơn vị kiểm toán, xác nhận báo cáo tài chính đó có trung thực, hợp lý hay không. Vì vậy, để có bằng chứng kiểm toán, kiểm toán viên phải kiểm tra sổ sách kế toán, hệ thống kế toán trên máy tính, hệ thống bảng cân đối tài sản, công nợ, tài khoản, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ... Ý kiến kiểm toán trong cuộc kiểm toán này nên ngắn gọn, rõ ràng trong phạm vi một trang A4, xác nhận báo cáo tài chính đó có phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của đơn vị hay không.



Mục đích của cuộc kiểm toán tuân thủ là kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ quy định của đơn vị được kiểm toán. Ví dụ, khi kiểm toán tuân thủ về thực hiện ngân sách, nếu Quốc hội đã quy định trần nợ công so với GDP là 60% thì kiểm toán chỉ xác nhận nợ công ở trên hay dưới trần đó, hoặc kết luận đơn vị đã tuân thủ 100%, 60% hoặc 40%, hoặc không tuân thủ quy định.

Mục đích của cuộc kiểm toán hoạt động là kiểm tra, đánh giá quy trình quản lý, kết quả hoạt động của đơn vị được kiểm toán, hay nói cách khác, thực hiện kiểm toán hoạt động để đánh giá đơn vị có đáp ứng 3E (tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả) hay không. Đây không phải là việc dễ dàng. Chẳng hạn, muốn kiểm toán hoạt động để đánh giá hệ thống trường học ở Việt Nam, kiểm toán viên phải hiểu tiêu chí của 3E là gì. Kiểm toán viên phải xem xét mục tiêu, tiêu chuẩn đặt ra cho ngành giáo dục như thế nào (trẻ em biết đọc, biết viết...). Để thực hiện cuộc kiểm toán đó, kiểm toán viên phải lập kế hoạch, lấy mẫu, sau đó tổng hợp, phân tích, đánh giá trẻ em học ở trường theo mục tiêu mà ngành giáo dục đã đặt ra. Kiểm toán viên phải thu thập chứng cứ hay bằng chứng kiểm toán từ việc phỏng vấn lãnh đạo đơn vị được kiểm toán, xem xét quy trình đơn vị đã chuyển chi phí đầu vào thành kết quả đầu ra như thế nào. Muốn đánh giá hiệu quả, hiệu suất, kiểm toán viên phải biết chi phí bao nhiêu, kết quả đầu ra; đánh giá tính hiệu lực phải xem xét mục tiêu của chương trình và đánh giá chương trình có đáp ứng mục tiêu đề ra hay không. Những yêu cầu này đòi hỏi kiểm toán viên phải có kỹ năng trong từng lĩnh vực kiểm toán hoặc cơ quan kiểm toán phải thuê chuyên gia để đánh giá. Chính vì vậy, thực hiện kiểm toán hoạt động khó hơn, phức tạp hơn và tốn kém hơn kiểm toán báo cáo tài chính.

Một ví dụ kiểm toán từ Hoa Kỳ

Để chúng ta có thể hình dung rõ hơn về những yêu cầu trên, tôi xin đưa ra ví dụ từ cuộc kiểm toán Việc quản lý cấp giấy phép sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, do Văn phòng Tổng kiểm toán Hoa Kỳ thực hiện. Báo cáo kiểm toán này đã được mở đầu như sau: “Tính đến tháng 9/2010, có hơn 16 nghìn loại thuốc bảo vệ thực vật đã được đăng ký sử dụng tại Hoa Kỳ”. Thông tin này sẽ làm cho các nghị sĩ “giật mình” vì nó liên quan đến sức khỏe con

người. Như vậy, họ sẽ lưu ý để đọc hết báo cáo kiểm toán. Khi làm được như vậy nghĩa là báo cáo kiểm toán đã thành công bước đầu. Phần tiếp theo, báo cáo cung cấp thông tin về các bên có liên quan, đó là: Quốc hội Hoa Kỳ đã yêu cầu cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán hiệu quả quy trình đăng ký cấp phép thuốc bảo vệ thực vật do Bộ Môi trường quản lý; tiếp theo là giải thích tại sao các loại thuốc bảo vệ thực vật này lại quan trọng và việc đăng ký là cần thiết; điều kiện, nội dung, quy trình đăng ký ra sao. Trong phần phương pháp luận, báo cáo nói rõ mục tiêu kiểm toán là đánh giá hệ thống giám sát của Bộ Môi trường đối với hoạt động giám sát việc đăng ký thuốc bảo vệ thực vật có điều kiện cũng như mức độ nỗ lực của Bộ trong việc bảo đảm các doanh nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin khi đăng ký. Phần tiếp theo là nói rõ thời gian thực hiện kiểm toán (1997-2011).

Khi kiểm toán, cơ sở dữ liệu của Bộ Môi trường cho thấy, số lượng thuốc bảo vệ thực vật có điều kiện đã bị khai báo không (cao hơn thực tế). Nguyên nhân được Văn phòng kiểm toán chỉ ra là do Bộ sử dụng các tiêu chí khác nhau để phân loại giấy phép, đồng thời, cán bộ nhập liệu và quản lý quy trình không được đào tạo một cách bài bản. Để đánh giá sự tuân thủ pháp luật của Bộ, Văn phòng kiểm toán đã yêu cầu Bộ cung cấp số liệu và quy trình gửi thông tin bổ sung khi doanh nghiệp đăng ký thuốc bảo vệ thực vật có điều kiện. Tuy nhiên, đơn vị được kiểm toán không có hệ thống dữ liệu đáng tin cậy. Từ đó, Văn phòng kiểm toán đã kiến nghị Bộ phải cải thiện hệ thống dữ liệu này để sau 3 năm nữa, cơ quan sẽ trở lại kiểm toán. (Trên thực tế, khi kiểm toán hoạt động, nếu phát hiện ra vấn đề nào đó, cơ quan kiểm toán sẽ trao đổi ngay với đơn vị được kiểm toán). Trong cuộc kiểm toán này, Bộ Môi trường đã đồng ý với kiến nghị kiểm toán bởi đây là lý do chính đáng để họ xin thêm ngân sách nhằm thiết lập hệ thống dữ liệu đáng tin cậy theo yêu cầu của cơ quan kiểm toán. Rõ ràng, khi kiến nghị kiểm toán gắn với lợi ích của đơn vị được kiểm toán thì kiến nghị luôn luôn được đơn vị chấp nhận.

Cuối cùng, tôi xin nhắc lại rằng, trên cơ sở kế hoạch và thực hiện kiểm toán tốt, kiểm toán viên cần lưu ý kỹ năng viết báo cáo kiểm toán bởi khâu hoàn thiện này góp thêm một phần giá trị gia tăng cho báo cáo kiểm toán. ■ **THÙY ANH (ghi)**

Áp dụng phương pháp phỏng vấn tại các cuộc kiểm toán ngân hàng thương mại



ThS. NGUYỄN THANH HUỆ

Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước

Phỏng vấn luôn là một trong những phương pháp quan trọng mà kiểm toán viên áp dụng trong giai đoạn thực hiện kiểm toán nhằm tiếp cận đối tượng được kiểm toán một cách sâu sắc và toàn diện. Tuy nhiên, đối với giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, việc áp dụng phương pháp này vẫn còn khá mới mẻ và đang dần được áp dụng tại các KTNN chuyên ngành và khu vực.

Đối với hoạt động kiểm toán ngân hàng thương mại, văn bản hóa phương pháp phỏng vấn vào mẫu kế hoạch kiểm toán ngân hàng thương mại tại Quyết định số 285/2015/QĐ-KTNN ngày 17/3/2015 (có hiệu lực từ ngày 17/3/2015 đến 28/6/2016) và Quyết định số 1208/QĐ-KTNN ngày 29/6/2016 (có hiệu lực từ ngày 29/6/2016) thể hiện rất rõ việc thực hiện hướng dẫn phỏng vấn đối với các cấp lãnh đạo, các bộ phận và nhân viên trong ngân hàng. Qua đó, kiểm toán viên sẽ đạt được hiểu biết chung về các sai sót trọng yếu có thể xảy ra tại đơn vị nhằm hỗ trợ cho việc đánh giá rủi ro của đối tượng kiểm toán.

Một số nội dung liên quan đến phương pháp phỏng vấn khi thực hiện thu thập thông tin khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán các ngân hàng thương mại:

Nhóm đối tượng thực hiện phỏng vấn

Việc phỏng vấn sai sót trọng yếu xảy ra thông thường sẽ được thực hiện với 04 loại nhóm đối tượng bao gồm:

- »» Phỏng vấn Hội đồng quản trị;
- »» Phỏng vấn Ban Điều hành;
- »» Phỏng vấn nhân sự chủ chốt của Hệ thống kiểm soát;

»» Phỏng vấn các đối tượng khác.

Một số mẫu phỏng vấn

Phỏng vấn Ban Điều hành ngân hàng thương mại

- »» Đánh giá của Ban Điều hành về rủi ro có gian lận dẫn đến sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính? Bản chất, mức độ và tần suất đánh giá?
- »» Hiểu biết của Ban Điều hành về các gian lận, nghi ngờ hay cáo buộc ảnh hưởng đến ngân hàng?
- »» Các quy trình, quy định của Ban Điều hành nhằm xác định và xử lý rủi ro gian lận trong ngân hàng?
- »» Quy trình của Ban Điều hành đối với bất kỳ một rủi ro gian lận nào khi phát hiện hoặc được thông báo về rủi ro đó? (ví dụ Quy trình khai báo các sự kiện tổn thất trong ngân hàng)
- »» Cách Ban Điều hành phát hiện và xử lý các nguy cơ gian lận đối với các sổ dư tài khoản hoặc thuyết minh có khả năng phát sinh?
- »» Cơ chế Ban Điều hành trao đổi như thế nào với Ban Quản trị về xác định và xử lý rủi ro trong ngân hàng?
- »» Có quy định, cơ chế Ban Điều hành trao đổi với người lao động về quan điểm của Ban Điều hành về các hoạt động kinh doanh và hành vi đạo đức? (Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và cơ chế truyền thông)

- ▶▶▶ Phòng vấn về biện pháp Ban Điều hành đã áp dụng đối với các rủi ro đã phát hiện?
- ▶▶▶ Đối với các rủi ro được phát hiện, đã có biện pháp hay chương trình nào được thiết lập để giảm thiểu rủi ro, hoặc nếu không, giúp phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện gian lận? Nếu có, Ban Điều hành đã giám sát các chương trình và biện pháp đó như thế nào?
- ▶▶▶ Nếu ngân hàng hoạt động tại nhiều địa điểm có nguy cơ rủi ro gian lận tồn tại ở một địa điểm hoạt động hay một lĩnh vực kinh doanh cụ thể không?
- ▶▶▶ Ngân hàng có tuân thủ các quy định và luật pháp chung hiện hành hay áp dụng văn bản riêng biệt nào khác không?
- ▶▶▶ Phòng vấn Ban điều hành đã từng bị yêu cầu, chỉ đạo hoặc bị gây áp lực phải thực hiện một hành vi bất hợp pháp hay trái đạo đức trên cương vị hiện tại (hoặc cương vị cũ) trong ngân hàng chưa? Hay bất cứ điều gì Ban Điều hành cảm thấy chưa thỏa mãn?
- ▶▶▶ Phòng vấn về trường hợp đã từng có nhân viên dưới quyền nói rằng họ hay ai đó bị yêu cầu hoặc gây áp lực phải làm một hành vi bất hợp pháp hoặc trái đạo đức? Hãy giải thích.

- ▶▶▶ Có khi nào anh/chị đã từng bị yêu cầu làm sai số liệu trên báo cáo tài chính? Nếu có, mô tả hành vi anh/chị bị yêu cầu phải làm và chỉ ra người đã yêu cầu anh/chị thực hiện hành động đó.
- ▶▶▶ Theo các anh/chị, Quy trình hay lĩnh vực kinh doanh nào anh/chị cho rằng đáng nghi ngờ có rủi ro biến thủ tài sản của ngân hàng nhất? Tại sao? Mô tả hành động Ban Điều hành đã tiến hành để giảm thiểu những rủi ro đó.
- ▶▶▶ Phòng vấn về những yếu tố gây áp lực đến Ban Điều hành trong việc lập báo cáo tài chính?
- ▶▶▶ Trong năm vừa qua có những xung đột lợi ích nào (các nhân viên, trưởng phòng hoặc giám đốc) bị phát hiện? Nếu có, ngân hàng xử lý những vấn đề đó như thế nào?

Phòng vấn nhân sự chủ chốt

** Phòng vấn bộ phận Kiểm toán nội bộ*

- ▶▶▶ Vai trò của Kiểm toán nội bộ trong việc phát hiện và ngăn chặn gian lận tại ngân hàng là như thế nào? Trong năm vừa qua có những trường hợp nào đã xảy ra? Các xử lý của Kiểm toán nội bộ là gì? Thể hiện ở đâu?
- ▶▶▶ Anh/Chị có biết về những cáo buộc gian lận (chẳng hạn, do trao đổi giữa các nhân viên, người



lao động cũ, các nhà phân tích, người bán, hoặc các nhà đầu tư khác)? Nếu có, mô tả từng tình huống?

»» Hiện tại ngân hàng có bộ phận chuyên trách để kiểm soát, điều tra, phát hiện và xử lý gian lận trong ngân hàng không? Có phần mềm hay công nghệ hoặc công cụ nào hỗ trợ cho việc này không?

»» Anh/Chị đã thực hiện những thủ tục nào để xác định và phát hiện gian lận trong năm qua? Liệu Ban Điều hành đã xử lý thỏa đáng mọi vấn đề được phát hiện nhờ những thủ tục đó?

* Phỏng vấn bộ phận quản lý gian lận

»» Cách thức ngân hàng đang thực hiện quản lý gian lận là như thế nào? Có văn bản hóa thành quy trình, quy định không?

»» Thu thập các trường hợp gian lận đã được phát hiện và xử lý trong năm. Trong đó cần làm rõ nguyên nhân của việc gian lận? Tình hình khắc phục về mặt hệ thống điểm yếu để gian lận có cơ hội thực hiện?

»» Ban Điều hành có thường xuyên trao đổi với các nhân viên về quan điểm của Ban Điều hành về các hoạt động kinh doanh và hành vi đạo đức không? Tần suất và cách thức trao đổi?

»» Quan điểm của bộ phận quản lý rủi ro về những rủi ro gian lận trong ngân hàng?

»» Các trường hợp bộ phận đã xử lý do áp lực chỉ đạo mà có thể gây ra rủi ro?

»» Bộ phận quản lý rủi ro tham gia như thế nào vào quá trình lập báo cáo tài chính? Bộ phận quản lý rủi ro đã từng bị yêu cầu làm sai, xác nhận sai số liệu trên báo cáo tài chính? Nếu có, có thể mô tả lại.

Phỏng vấn thành viên Ban quản trị

»» Chiến lược của ngân hàng trong giai đoạn kiểm toán là như thế nào? Các kế hoạch chi tiết cho từng năm để đạt được mục tiêu là ra sao?

»» Đã hoàn thành những năm nào trong giai đoạn chiến lược đó? Kết quả ra sao? Có báo cáo đánh giá kết quả, tình hình, nguyên nhân chưa? Có điều chỉnh gì không?

»» Mô hình, cách thức, định hướng và quan điểm của Ban Quản trị như thế nào về kiểm soát gian lận và hoạt động an toàn? Quan điểm đó đang được cụ thể hóa ra sao?

»» Anh/Chị có ý thức về bất kỳ một gian lận thực tế hay nghi ngờ hay cáo buộc nào ảnh hưởng đến ngân hàng?

»» Mô tả hiểu biết của anh/chị về rủi ro có gian lận trong ngân hàng, bao gồm bất cứ rủi ro nào ngân

hàng đã phát hiện hoặc các số dư tài khoản hoặc giao dịch có nguy cơ gian lận. Mô tả vai trò giám sát của anh/chị về (1) quy trình xác định và xử lý rủi ro có gian lận trong ngân hàng và (2) bộ phận kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành thiết lập để xử lý rủi ro.

Thêm vào đó, tùy thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, để thực hiện lựa chọn các đối tượng khác cần được phỏng vấn và đề xuất các câu hỏi phù hợp.

Các vấn đề trọng yếu

Các vấn đề trọng yếu là các vấn đề được xét đoán thông qua các phân tích khách quan thực tế và tình huống trở nên trọng yếu đối với cuộc kiểm toán, ví dụ như gian lận, các thiếu sót trong hoạt động kiểm soát và việc không tuân thủ pháp luật hoặc quy định.

Trên cơ sở các thông tin thu thập từ đơn vị, phỏng vấn, trao đổi, phân tích, kiểm toán viên xác định vấn đề trọng yếu cần quan tâm đối với từng nội dung cụ thể, làm cơ sở để xác định các vấn đề trọng yếu đối với cả cuộc kiểm toán.

Các rủi ro được xác định

Các rủi ro và rủi ro trọng yếu liên quan đến các số dư tài khoản, giao dịch và thuyết minh cũng như toàn bộ báo cáo tài chính, rủi ro tuân thủ, rủi ro hoạt động... cần được ghi chép lại cho việc tổng hợp rủi ro cho toàn cuộc kiểm toán.

Kiểm toán viên cần đảm bảo tinh thần xuyên suốt quá trình thu thập, phân tích chi tiết ở trên, xác định đặc điểm, các điểm mạnh, yếu đối với từng nội dung, từ đó xác định các rủi ro có thể xảy ra tại đơn vị kiểm toán để định hướng cho Đoàn, Tổ khi thực hiện kiểm toán tại đơn vị.

Tuy đây là phương pháp mới được áp dụng trong giai đoạn kiểm toán nhưng nó mang lại hiệu quả lớn trong việc tiếp cận thông tin về đơn vị được kiểm toán một cách đa chiều, được thể hiện ở sự phong phú về nội dung thông tin được thu thập cũng như sự đa dạng về đối tượng được phỏng vấn. Thông qua đó, các kiểm toán viên cơ bản đã đánh giá được tình hình chung của đơn vị được kiểm toán, bước đầu đánh giá được các sai sót trọng yếu và xác định mức độ rủi ro kiểm toán. Cùng với các phương pháp cơ bản khác như tổng hợp, phân tích số liệu, đánh giá chỉ số, so sánh... kết quả khảo sát sẽ được nâng cao. Đây là một điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng việc lập kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán ngân hàng thương mại. ■

Hàng loạt địa phương, dự án lạm dụng vốn trái phiếu chính phủ năm 2014

 **BẮC SƠN**

Phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước nhằm huy động vốn cho đầu tư phát triển, đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Những năm qua, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phát hành TPCP, dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các Bộ, ngành, cùng các địa phương trong cả nước đã nỗ lực thực hiện, huy động được đáng kể nguồn vốn TPCP, bổ sung nguồn lực quan trọng để chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong điều kiện NSNN còn khó khăn.

Theo đánh giá của KTNN, công tác phát hành, quản lý, sử dụng TPCP những năm qua đã thu được những thành tựu quan trọng, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường an ninh, quốc phòng, đặc biệt là có tác dụng thiết thực đối với vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Theo Báo cáo kiểm toán của KTNN, trong năm 2014, Chính phủ đã huy động được khoảng 248.000 tỷ đồng từ TPCP, tổng số tiền được phân bổ sau đó là gần 99.550 tỷ đồng;

Trong đó: chi cho lĩnh vực giao thông 56.704,3 tỷ đồng, chiếm 57%; thủy lợi 17.307,4 tỷ đồng, chiếm 17%; y tế 10.758 tỷ đồng, chiếm 10,8 %; ký túc xá sinh viên 130,3 tỷ đồng, chiếm 0,13%; các công trình thuộc Dự án Tái định cư Thủy điện Sơn La 2.069,7 tỷ đồng chiếm 2,08%, Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới 4.792 tỷ đồng, chiếm 4,8% và đối ứng các dự án ODA 7.782,6 tỷ đồng chiếm 7,82%. Nguồn vốn này được đánh giá đã đóng góp tích cực thúc đẩy kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng của cả nước.

Tuy nhiên, qua thực tiễn kiểm toán, KTNN cũng đã phát hiện nhiều sai phạm trong quá trình quản lý, sử dụng vốn vay, từ khâu xây dựng nhu cầu vốn, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch, đến khâu giải ngân, quyết toán và quản lý dự án.

Nhiều sai phạm trong quá trình quản lý, sử dụng

Một là, tỷ lệ phát hành vốn TPCP có kỳ hạn ngắn, nhất là kỳ hạn dưới 03 năm, chiếm 53,94% trên tổng số phát hành (133.804,6/248.024,3 tỷ đồng), gây áp lực trả nợ lớn trong ngắn hạn.

Hai là, Chính phủ giao kế hoạch vốn TPCP chưa sát và không phù hợp với nhu cầu. Cụ

thể như: tỉnh Phú Thọ được giao 68,3/11,5 tỷ đồng nhu cầu cho các dự án ngành giao thông đã hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013; các dự án ngành thủy lợi được giãn, hoãn tiến độ thực hiện, bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý giao 325/534,6 tỷ đồng. Riêng Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị có rất nhiều dự án được thực hiện hàng năm, nhưng Chính phủ giao kế hoạch vốn hầu như không sát thực tế ở tất cả các dự án: Dự án nâng cấp Quốc lộ 60 (đoạn Trung Lương - Rạch Miễu) giao 5/7 tỷ đồng; Dự án Cầu Hàm Luông (Quốc lộ 60) giao 4,4/7,5 tỷ đồng; Dự án Đường Hồ Chí Minh - tuyến chính giao 24,5/41,5 tỷ đồng; Dự án Quốc lộ 57 (Mỏ Cày - Vĩnh Long) cũng chỉ giao được 26,4/51,4 tỷ đồng; Dự án Bền vững hoá công trình do mưa lũ gây ra năm 2009 trên đường Hồ Chí Minh đoạn Quảng Bình - Kon Tum chỉ giao được 2,2/20,2 tỷ đồng...

Ngoài ra, KTNN còn phát hiện tình trạng giao vốn cho dự án không thuộc danh mục dự án được sử dụng vốn TPCP diễn ra khá phổ biến tại nhiều địa phương. Cụ thể như: Dự án Cầu Nguyễn Trung Trực tại tỉnh Kiên Giang; Phòng khám đa khoa khu vực Mường Toong, Mường Nhé,

Phòng khám đa khoa khu vực Pú Tùu tại Điện Biên; Phòng khám đa khoa Xuân Quang và Phòng khám đa khoa Phong Hải huyện Bảo Thắng, Phòng khám đa khoa Tân An - Văn Bàn, Phòng khám đa khoa Pom Hán Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai...

Một số địa phương dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn vượt mức vốn TPCP được phê duyệt cho dự án, như: Đường ô tô về trung tâm xã Hòa Tiến (Hậu Giang) vượt 2,4 tỷ đồng; đường ô tô đến trung tâm xã Viên An (Cà Mau) vượt 2 tỷ đồng. KTNN đã xác định 26 địa phương được bố trí 417,4 tỷ đồng vốn TPCP để đối ứng cho một số dự án đầu tư bằng nguồn vốn ODA không đúng với dự án được duyệt (dự án xác định nguồn vốn đối ứng là NSDP hoặc nguồn vốn khác). Trong đó: Bình Định 24,8 tỷ đồng; Ninh Thuận 33,3 tỷ đồng; Quảng Nam 23 tỷ đồng; Đắk Lắk 17,6 tỷ đồng; Kon Tum 9,3 tỷ đồng; Hà Tĩnh 11,5 tỷ đồng; Nghệ An 20,8 tỷ đồng; Phú Yên 16,5 tỷ đồng; Phú Thọ 18,4 tỷ đồng; Yên Bái 11,4 tỷ đồng; Cà Mau 8,9 tỷ đồng; Gia Lai 15,3 tỷ đồng; Hậu Giang 34,9 tỷ đồng; Lâm Đồng 14,1 tỷ đồng; Quảng Bình 89 tỷ đồng; Tuyên Quang 20,9 tỷ đồng; Lạng Sơn 10 tỷ đồng... Một số dự án của tỉnh Long An, Tây Ninh và Bộ Y tế còn được bố trí vốn trong khi thực tế vẫn chưa ký hiệp định, văn kiện dự án với các nhà tài trợ.

Ba là, một số Bộ, cơ quan trung ương, địa phương phân bổ vốn chậm (Bến Tre; Vĩnh Long), phân bổ không sát thực tế nên phải điều chỉnh nhiều lần, đặc biệt là các dự án của Bộ Giao thông Vận tải. Nhiều địa phương như Tuyên Quang, Lạng Sơn...

không phân bổ hết số vốn được trung ương giao, trong khi Tiền Giang, Trà Vinh, Cần Thơ lại phân bổ vượt tổng mức vốn TPCP được hỗ trợ, hoặc vượt tổng mức đầu tư được duyệt. Nhiều địa phương phân bổ vốn sai đối tượng được KTNN chỉ rõ trong báo cáo kiểm toán như: Bắc Giang, Sơn La, Vĩnh Long, Hà Tĩnh, Gia Lai, Hậu Giang...

Đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia, nhiều tỉnh phân bổ vốn TPCP chậm, như Thái Bình, Tiền Giang, Nam Định, Cà Mau, Điện Biên, Yên Bái, Thanh Hóa, Cần Thơ... Tình trạng phân bổ vốn cho Chương trình vượt định mức diễn ra phổ biến, với tổng số tiền lên đến 727,9 tỷ đồng; trong đó, Bắc Giang vượt 36 tỷ đồng, Hải Dương 38,6 tỷ đồng, Quảng Nam 35,7 tỷ đồng, Vĩnh Long 29 tỷ đồng, Đắk Lắk gần 29 tỷ đồng, Đồng Tháp 15 tỷ đồng, Nghệ An hơn 32 tỷ đồng, Tây Ninh 26,4 tỷ đồng, Thái Bình lên đến gần 79 tỷ đồng, tương tự Quảng Ngãi cũng 79,5 tỷ đồng, Bến Tre 65,4 tỷ đồng, Tiền Giang hơn 44 tỷ đồng, Yên Bái hơn 24 tỷ đồng, Cao Bằng gần 52 tỷ đồng, Hậu Giang 31,3 tỷ đồng, Lạng Sơn 15 tỷ đồng, Hải Phòng 17 tỷ đồng... Nhiều địa phương phân bổ vốn cho một số công trình, dự án không thuộc danh mục đầu tư trong Đề án Xây dựng nông thôn mới được duyệt (Thái Nguyên, Gia Lai, Hưng Yên, Sóc Trăng, Vĩnh Long...).

Bốn là, KTNN đã phát hiện một số địa phương ứng trước kế hoạch vốn cho một số dự án không phù hợp với mục tiêu ứng trước (các dự án cấp bách, còn thiếu vốn, cần đẩy nhanh tiến độ

thực hiện), dẫn đến tình trạng không giải ngân hết số vốn đã ứng. Cụ thể như: tỉnh Phú Thọ ứng trước kế hoạch vốn năm 2015 227,5 tỷ đồng nhưng chỉ giải ngân được 89,8 tỷ đồng, đạt 39,5%; tỉnh Thái Bình cho nhà thầu tạm ứng lên đến 250 tỷ đồng, đây là toàn bộ số vốn địa phương được ứng trước cho dự án; một số dự án ứng trước kế hoạch vốn vượt kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015, như Dự án xử lý cấp bách kênh Tri Phương - Chi Đông (Bắc Ninh), Dự án Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Hà Nam (Hà Nam).

Kiến nghị từ KTNN

Qua kết quả kiểm toán nêu trên, KTNN đã kiến nghị xử lý tài chính 807,8 tỷ đồng. Trong đó, thu hồi nộp NSNN 39,3 tỷ đồng; thu hồi tạm ứng sai quy định 1,59 tỷ đồng; giảm thanh toán 176 tỷ đồng; giảm giá gói thầu, giá hợp đồng 157,9 tỷ đồng; bố trí nguồn hoàn trả vốn TPCP 248,1 tỷ đồng; hủy kế hoạch vốn 41,3 tỷ đồng; xử lý khác 143,4 tỷ đồng.

KTNN cũng đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư nâng cao trách nhiệm thẩm định trong công tác phân bổ vốn hàng năm, ứng trước kế hoạch vốn đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn TPCP. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, rà soát để loại khỏi danh mục dự án sử dụng vốn TPCP đối với các dự án không thuộc đối tượng cấp bách, trọng điểm, không đúng các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.■

Tranh cãi trong thực hiện luân chuyển hãng kiểm toán theo chu kỳ đối với các cơ quan, tổ chức công

 **THANH XUYỀN**

Tháng 4/2014, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua một số quy định mới nhằm cải cách hoạt động kiểm toán theo luật định trong khu vực, đặc biệt đối với các cơ quan, tổ chức công (PIE). Các quy tắc kiểm toán mới của EU được hy vọng sau khi áp dụng sẽ góp phần tăng cường tính minh bạch của báo cáo tài chính, cung cấp cho kiểm toán viên nhiều quyền hạn hơn, hoạt động độc lập hơn, đồng thời, đa dạng hóa thị trường kiểm toán và tăng cường giám sát trên toàn khu vực EU.

Đa số các quy định mới của EU được áp dụng cho kỳ kế toán bắt đầu từ sau ngày 17/6/2016, bao gồm: Một số yêu cầu mới cho các ủy ban kiểm toán hoặc các cơ quan tương đương trong việc giám sát công tác kiểm toán; một số yêu cầu mới liên quan đến các cuộc kiểm toán theo luật định; bổ sung một số quy định mới hạn chế việc cung cấp các dịch vụ phi kiểm toán của kiểm toán viên theo luật định đối với khách hàng là các PIE. Riêng quy định “bắt buộc luân chuyển hãng kiểm toán các PIE” đến thời điểm trên vẫn chưa được áp dụng bởi vẫn có 2 luồng ý kiến trái chiều gây nhiều tranh cãi.

Vừa qua, EU đã đưa ra yêu

cầu tất cả các PIE phải tiến hành đấu thầu để chọn ra một hãng kiểm toán mới theo chu kỳ 10 năm và thay đổi công ty kiểm toán ít nhất 20 năm với lập luận rằng luân chuyển hãng kiểm toán sẽ làm tăng tính độc lập và khách quan trong việc thực hiện công tác kiểm toán theo luật định. Quy định mới đã có tác động mạnh đến các công ty kiểm toán, đặc biệt là đối với các hãng kiểm toán lớn trên toàn cầu. Các hãng kiểm toán hàng đầu thế giới đang tỏ ra vô cùng lo lắng khi đứng trước nguy cơ mất nhiều khách hàng lớn cũng như phải đối mặt với một cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong cuộc chiến giữ lại và giành lấy những hợp đồng “béo bở” từ tay nhiều đối thủ lớn.

Tuy nhiên, các cuộc tranh luận về quy định bắt buộc luân chuyển các hãng kiểm toán đến nay vẫn chưa có hồi kết. Những người ủng hộ quy định này cho rằng, nếu cứ duy trì một mối quan hệ “kiểm toán viên - khách hàng” trong quãng thời gian quá dài có thể làm mất đi tính khách quan, gây ra những rủi ro trong cách làm việc theo lối mòn quá quen thuộc của kiểm toán viên. Bằng cách giới hạn mối quan hệ đó, việc luân chuyển sẽ giúp

nâng cao chất lượng kiểm toán, kích thích các kiểm toán viên chuyên nghiệp luôn duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong suốt cuộc kiểm toán. Mặt khác, những người phản đối quy định trên cho rằng, sau mỗi đợt luân chuyển các hãng kiểm toán, những thông tin chi tiết của hãng kiểm toán đi trước thu được sẽ không được chuyển giao lại cho hãng kiểm toán kế tiếp, từ đó gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng và thời gian thực hiện công việc kiểm toán.

Tháng 10 vừa qua, Ủy ban Điều phối kiểm toán viên Nam Phi (IRBA) đã chính thức công bố quy định mới trong đó đưa ra thời gian bắt buộc các hãng kiểm toán phải tiến hành luân chuyển kiểm toán viên theo định kỳ. Cùng thời gian trên, Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) lại tuyên bố có thể sẽ ngừng áp dụng chính sách luân chuyển kiểm toán viên.

Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) mới đây đã triệu tập hội nghị bàn tròn tại Hồng Kông và Luân Đôn, quy tụ các nhà lãnh đạo kinh doanh quốc tế, các nhà hoạch định chính sách và các cơ quan quản lý hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán trên phạm vi toàn cầu nhằm tiếp tục



bàn thảo về quy định trên. IRBA đã đề xuất một số biện pháp nhằm “tăng cường tính độc lập của các kiểm toán viên, tăng cường bảo vệ nhà đầu tư”, đồng thời khẳng định rằng “kiểm toán viên chỉ thực sự được trao quyền và phát huy tối đa thế mạnh khi được tiếp cận mọi cơ hội”. MAS cho rằng: Những nghiên cứu đã và đang được tiến hành trên phạm vi quốc tế đã không cung cấp bằng chứng thuyết phục cho thấy quy định bắt buộc luân chuyển hãng kiểm toán sẽ cải thiện đáng kể chất lượng kiểm toán. Không những thế, hoạt động luân chuyển các hãng kiểm toán độc lập thường xuyên còn có thể gây ra một số hậu quả tiêu cực.

Nhiều đại biểu tham dự hội nghị của IFAC đã đưa ra các vấn đề thảo luận trọng tâm như: Quy định bắt buộc luân chuyển các công ty kiểm toán có cải thiện được chất lượng kiểm toán và bảo vệ nhà đầu tư hay không? Theo đó, các dịch vụ kiểm toán có thị trường hoạt

động hiệu quả và cạnh tranh lành mạnh, tích cực không? Quy định này có liên quan đến vấn đề trao quyền kinh tế hay không? Đây được coi là những vấn đề quan trọng hàng đầu, cần sự tập trung nghiên cứu, đóng góp ý kiến của tất cả các cá nhân, tổ chức nhằm tìm ra một quy định chung giúp cải thiện tối đa chất lượng hoạt động kiểm toán.

Nhiều quốc gia khác trên thế giới cũng đang xem xét, nghiên cứu xem có nên tiếp tục bắt buộc luân chuyển hãng kiểm toán hay nên xóa bỏ quy định này. Hàn Quốc, Argentina và Brazil trước đây đã thực hiện quy định bắt buộc luân chuyển các hãng kiểm toán. Tuy nhiên, hiện nay các nước này đã xóa bỏ quy định trên đối với một số lĩnh vực cụ thể. EU hiện nay cũng chưa đưa ra một quy định thống nhất trong tổ chức. Một số nước thành viên như Tây Ban Nha và Italia hiện nay đã ngưng áp dụng chính sách trên. Từ năm 2013, Hoa Kỳ đã yêu cầu

Ủy ban Giám sát các công ty đại chúng (PCAOB) không đưa ra yêu cầu bắt buộc luân chuyển hãng kiểm toán.

Ông Faye Choudhury - người nắm giữ vị trí giám đốc điều hành IFAC từ tháng 2/2013, trước đó từng công tác tại Ngân hàng Thế giới trong 2 nhiệm kỳ - cho rằng cần khẩn trương nghiên cứu nhằm đưa ra những giải pháp hiệu quả nhất, hướng đến mục tiêu chung là cải thiện chất lượng hoạt động kiểm toán toàn thế giới. Bởi trong khi các DN đang cố gắng từng bước quốc tế hóa hoạt động kiểm toán DN mình trên phạm vi toàn cầu, sự phức tạp, chi phí cao và rủi ro của việc cố gắng đi theo và thích nghi với môi trường pháp lý chấp vá sẽ làm giảm sự tập trung của họ trong mục tiêu đạt được chất lượng kiểm toán cao nhất; ngoài ra còn phải kể tới khó khăn trong việc đáp ứng số lượng lớn các kiểm toán viên trong những khu vực pháp lý khác nhau khi thực hiện yêu cầu luân chuyển trên. ■

VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

Tiền thu

Nẻo mùa thu lại bên thêm
đón sương rơi xuống cho mềm nỗi đau
bất ngờ một trận mưa mau
biết mai lá rụng trắng đầu người đi
Mùa thu mùa của chia li
nên con sông chảy chẳng khi nào ngừng
giống trước mặt, bão sau lưng
tàu xuôi một chuyến phải dừng mấy ga
Cầu Ô vừa mới bắc qua
vụt nghe lữ cuốn Ngân Hà trôi trắng
bơ vơ Cuối lạc chị Hằng
lá đa rụng đỏ mấy tầng trời hoang
Hèo may gửi tiết đông sang
thương bông cúc nở muộn màng vì tôi.

LÊ QUỐC HÁN

Cho con

Làm sao neo thời gian
Cho trái đất đừng quay
Mỗi ban mai
được gọi con tới trường
được tắt bếp nấu cơm, giặt giũ
được...buồn, lúc con chưa ngoan.
Mẹ lên hái quả mặt trời
Cho con đá bóng, mẹ ngồi mẹ xem.
Hái vầng trăng nở đêm đêm
Mẹ cho con kết làm đèn trung thu
Trên đời mọi thứ phù du
Chỉ Tình Mẹ - mãi thiên thu nặng đầy !

VÂN ANH

Bạn

Thi thoảng nhận được từ "phây" đôi ba tin nhắn
Muốn trả lời ngay mà lỡ bạn mất rồi
Bạn đôi lúc không là trạng thái
Bạn là một ngoa từ.
Biết nói gì đây qua quăng lặng như tờ
Tin nhắn rơi vào thình không mấy ngày sau mới gặp
Chẳng nhẽ lại nhắn rằng tôi bạn
Chữ nhấp nháy muốn chạy đi mà tôi sợ bạn buồn.
Cứ như là vết lốm của khước từ
Chữ bạn bao dung lấp đầy hết thủy
Sự nguy hiểm trốn chạy
Tôi biết thay chữ bạn bằng gì?
Cho tôi xin qua tất cả so bì
Là tôi rồn rảng buồn vui như chưa bao giờ biết bạn.

NGUYỄN HỒNG